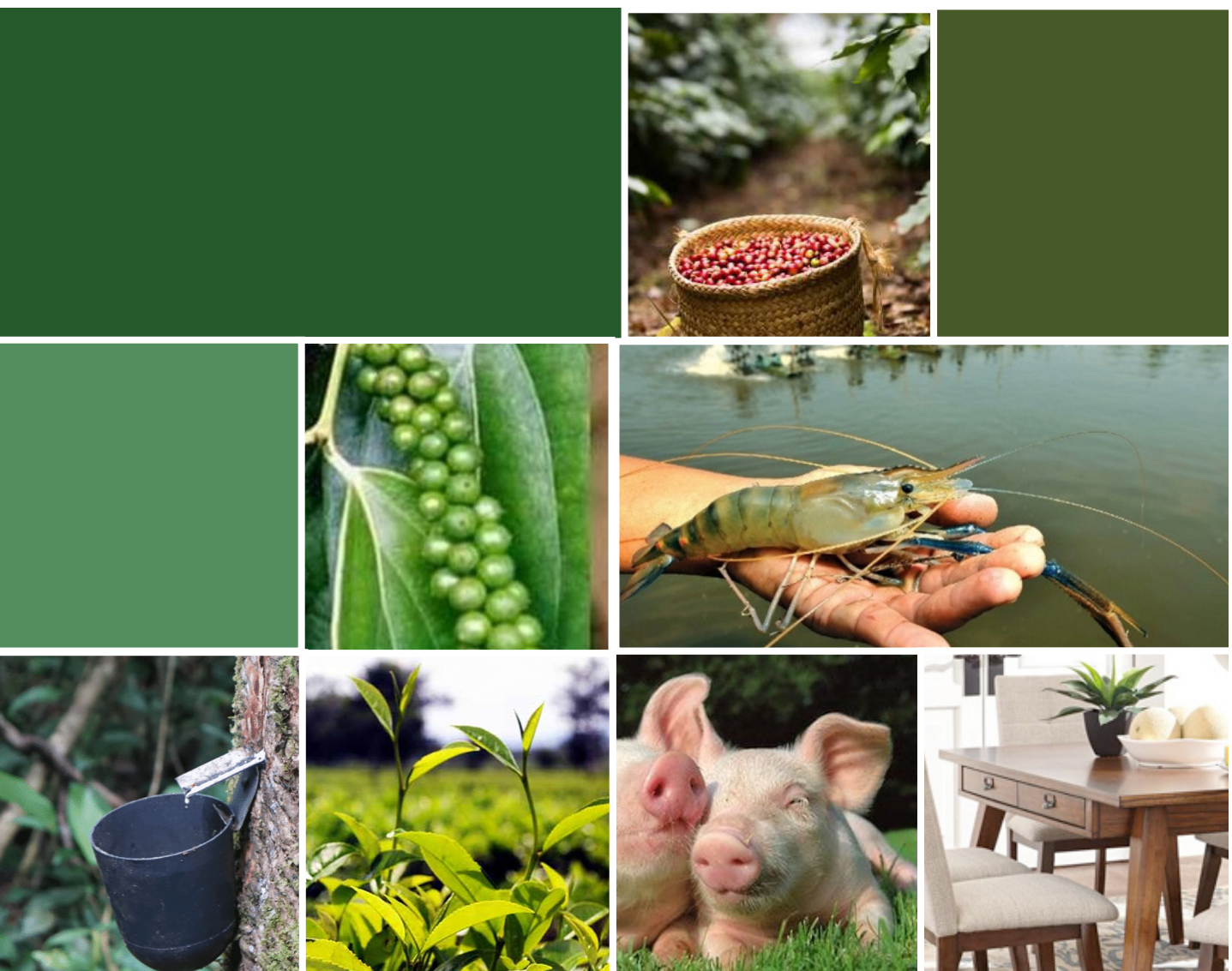


Bản tin

THỊ TRƯỜNG NÔNG, LÂM, THỦY SẢN

BỘ CÔNG THƯƠNG



SỐ TỔNG KẾT QUÝ 3 - RA NGÀY 31/10/2022

BẢN TIN

THỊ TRƯỜNG

NÔNG, LÂM, THỦY SẢN

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN:

Cục Xuất nhập khẩu,
Bộ Công Thương
Tel: 024.22205440;
Email:
linhntm@moit.gov.vn;
huyenngt@moit.gov.vn;

- Trung tâm Thông tin
Công nghiệp và Thương mại,
Bộ Công Thương
Tel: 024.22192875;
Email:
tuoanhbta@gmail.com;
Mọi ý kiến đóng góp xin liên hệ
số điện thoại và email trên

Giấy phép xuất bản số:
55/GP-XBBT ngày 26/8/2022

TÌNH HÌNH CHUNG	3
THỊ TRƯỜNG CAO SU	5
THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ	11
THỊ TRƯỜNG HẠT TIÊU	17
THỊ TRƯỜNG CHÈ	22
THỊ TRƯỜNG THỊT	26
THỊ TRƯỜNG THỦY SẢN	31
THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ	37
THÔNG TIN CHÍNH SÁCH/CHUYÊN ĐỀ	41

TÌNH HÌNH CHUNG

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

- ▶ Cao su: Quý 3/2022, giá cao su tại các sàn giao dịch có xu hướng giảm mạnh do thị trường lo ngại nhu cầu ở Trung Quốc chậm lại.
- ▶ Cà phê: Giá cà phê trên thị trường thế giới tiếp tục xu hướng giảm mạnh kể từ cuối tháng 8/2022 đến nay.
- ▶ Hạt tiêu: Quý 3/2022, thị trường hạt tiêu toàn cầu đối mặt với khó khăn do nhu cầu thấp, giá giảm. Xu hướng giảm kéo dài sang tháng 10/2022 do lạm phát tăng cao.
- ▶ Chè: Trong 9 tháng năm 2022, xuất khẩu chè của Xri Lan-ca đạt 192,6 nghìn tấn, giảm 9% so với cùng kỳ năm 2021; Giá chè xuất khẩu bình quân đạt 1.527,7 Rs-FOB, tăng 64,8% so với cùng kỳ năm 2021.
- ▶ Thịt: Quý 3/2022, giá lợn nạc tại Chicago Hoa Kỳ có xu hướng giảm mạnh so với quý trước do nhu cầu của Trung Quốc giảm.
- ▶ Thủy sản: Giá hầu hết các kích cỡ tôm tại Ê-cu-a-đo có xu hướng giảm do nhu cầu của Hoa Kỳ và EU gần đây đang chậm lại. Trong đó, giá tôm thẻ chân trắng cỡ nhỏ giảm nhẹ hơn so với các kích cỡ lớn. Trong 5 thị trường nhập khẩu thủy sản lớn nhất thế giới, trừ Trung Quốc, nhập khẩu thủy sản của các thị trường có xu hướng chậm lại kể từ quý 3/2022.
- ▶ Gỗ và sản phẩm gỗ: Trong 9 tháng năm 2022, trị giá xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Trung Quốc đạt 17,1 tỷ USD, giảm 7% so với cùng kỳ năm 2021. Kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất (bao gồm cả đồ nội thất bằng gỗ của Ma-lai-xi-a) trong 7 tháng đầu năm 2022 đạt 8,5 tỷ RM (tương đương 1,8 tỷ USD), tăng 18,1% so với cùng kỳ năm 2021.



THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

► Cao su: Giá mủ cao su nguyên liệu trong nước quý 3/2022 giảm khoảng 40-50 đồng/độ mủ so với quý trước. Trong quý 3/2022, xuất khẩu cao su của Việt Nam đạt 609,17 nghìn tấn, trị giá 930,86 triệu USD, tăng 6% về lượng, nhưng giảm 1,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Thị phần cao su Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Trung Quốc và Ấn Độ tăng.

► Cà phê: Ngày 28/10/2022, giá cà phê Robusta tại thị trường nội địa giảm 5.400 đồng/kg so với ngày 28/9/2022. Quý 3/2022, xuất khẩu cà phê của Việt Nam giảm 27% về lượng và giảm 24,8% về trị giá so với quý 2/2022. Thị phần cà phê Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Đức và Pháp tăng, trong khi tỷ trọng trong tổng nhập khẩu của Hoa Kỳ, Hàn Quốc và Ca-na-đa giảm.

► Hạt tiêu: Áp lực nguồn cung tăng lên vào đầu vụ mới và nguồn dự trữ khá dồi dào đang gây sức ép lên thị trường hạt tiêu trong nước. Xuất khẩu hạt tiêu của Việt Nam trong quý 3/2022 giảm 27% về lượng và giảm 31,8% về trị giá so với quý 2/2022, so với quý 3/2021 giảm 12,5% về lượng và giảm 4,2% về trị giá. Thị phần hạt tiêu Việt Nam trong tổng nhập khẩu của hầu hết các thị trường nhập khẩu lớn tăng.

► Chè: 10 tháng năm 2022, xuất khẩu chè ước đạt 107 nghìn tấn, trị giá 181 triệu USD, tăng 2,3% về lượng và tăng

2,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. 7 tháng đầu năm 2022, thị phần chè của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Hoa Kỳ tăng, trong khi thị phần trong tổng nhập khẩu của Pa-ki-xtan, Anh, Đức và Hồng Kông giảm.

► Thịt: Giá lợn hơi tại Việt Nam quý 3/2022 có xu hướng tăng so với quý trước, giá tăng cao nhất quý vào 20 ngày đầu tháng 7/2022, sau đó giảm trở lại. Quý 3/2022, xuất khẩu thịt và sản phẩm thịt tăng trong khi nhập khẩu giảm.

► Thủy sản: 10 tháng năm 2022, sản lượng thủy sản của cả nước ước đạt 7.450,7 nghìn tấn, tăng 3,1% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Cá đạt 5.366,7 nghìn tấn, tăng 2,6%; tôm đạt 1.009,8 nghìn tấn, tăng 8,2%; thủy sản khác đạt 1.074,2 nghìn tấn, tăng 1,2%. Quý 3/2022, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam đạt 577,5 nghìn tấn, giảm 9% so với quý trước đó, nhưng tăng 33,4% so với quý 3/2021.

► Gỗ và sản phẩm gỗ: Ước tính, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam trong tháng 10/2022 đạt 1,2 tỷ USD, tăng 7,7% so với tháng 9/2022 và tăng 25,9% so với tháng 10/2021. Thị phần đồ nội thất bằng gỗ của Việt Nam giảm trong tổng trị giá nhập khẩu của thị trường Hoa Kỳ, Anh, Ca-na-đa, Hàn Quốc; nhưng tăng trong tổng trị giá nhập khẩu của thị trường Đức, Pháp, Nhật Bản, Thụy Sĩ và Tây Ban Nha.

THỊ TRƯỜNG CAO SU

- ▶ Quý 3/2022, giá cao su tại các sàn giao dịch có xu hướng giảm mạnh do thị trường lo ngại nhu cầu ở Trung Quốc chậm lại.
- ▶ Giá mủ cao su nguyên liệu trong nước quý 3/2022 giảm khoảng 40-50 đồng/độ mủ so với quý trước.
- ▶ Trong quý 3/2022, xuất khẩu cao su của Việt Nam đạt 609,17 nghìn tấn, trị giá 930,86 triệu USD, tăng 6% về lượng, nhưng giảm 1,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.
- ▶ Thị phần cao su Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Trung Quốc và Ấn Độ tăng.



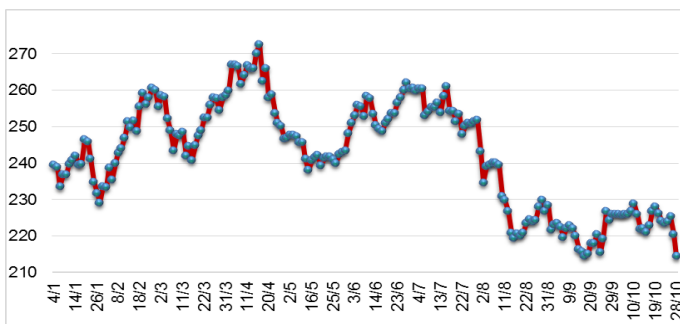
THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Trong quý 3/2022, thị trường cao su bị tác động bởi những lo ngại về nhu cầu cao su ở Trung Quốc chậm lại do nắng nóng làm gián đoạn sản xuất và các đợt đóng cửa kéo dài ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất công nghiệp và tiêu dùng. Chính phủ nước này vẫn tiếp tục kiên trì với chiến lược “Zero Covid”. Những lo ngại về nhu cầu cao su của Trung Quốc chậm lại đã khiến giá cao su giảm, cho dù sản lượng cao su tại Thái Lan bị ảnh hưởng bởi mưa lớn và lũ lụt trên khắp cả nước.

Giá cao su tại các sàn giao dịch chủ chốt trên thế giới biến động mạnh trong quý 3/2022, giá có xu hướng tăng mạnh trong tháng 7/2022, sau đó quay đầu giảm đến hết tháng 9/2022. Trong tháng 10/2022, giá cao su trên thị trường thế giới biến động không đồng nhất, giá có xu hướng tăng trong 20 ngày đầu tháng, sau đó giảm mạnh trở lại, trong bối cảnh Trung Quốc tiếp tục thực hiện các biện pháp phòng chống dịch Covid-19 làm giảm nhu cầu và gây tâm lý rủi ro cho thị trường. Cụ thể:

+ Tại Sở giao dịch hàng hóa Osaka Exchange (OSE) Nhật Bản giá cao su có xu hướng tăng mạnh trong 20 ngày đầu tháng 10/2022, sau đó giảm mạnh. Ngày 28/10/2022, giá cao su RSS3 giao kỳ hạn gần dao động ở mức 214,4 Yên/kg (tương đương 1,45 USD/kg), giảm 5,1% so với cuối tháng 9/2022 và giảm 0,3% so với cùng kỳ năm 2021.

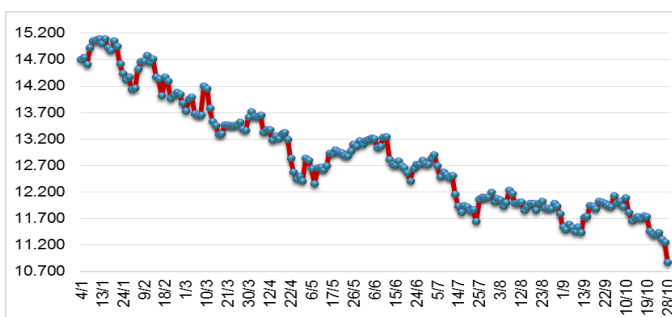
Diễn biến giá cao su RSS3 tại sàn Osaka từ đầu năm 2022 đến nay (ĐVT: Yên/kg)



Nguồn: cf.market-info.jp

+ Tại Sàn giao dịch hàng hóa tương lai Thượng Hải (SHFE), giá cao su giảm mạnh kể từ ngày 20/10/2022. Ngày 28/10/2022, giá cao su RSS3 giao kỳ hạn gần ở mức 10.865 NDT/tấn (tương đương 1,49 USD/kg), giảm 8,7% so với cuối tháng 9/2022 và giảm 20,8% so với cùng kỳ năm 2021.

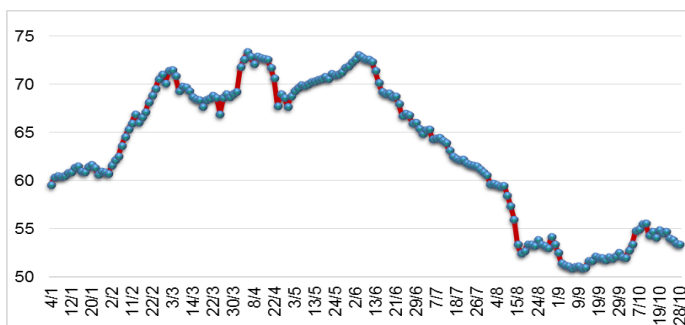
Diễn biến giá cao su giao tại sàn SHFE từ đầu năm 2022 đến nay (ĐVT: NDT/tấn)



Nguồn: shfe.com.cn

+ Tại Thái Lan, giá cao su biến động mạnh, sau khi tăng lên mức 55,6 Baht/kg (ngày 11/10/2022), giá có xu hướng giảm trở lại, nhưng vẫn tăng so với cuối tháng trước. Ngày 28/10/2022, giá cao su RSS3 chào bán ở mức 53,36 Baht/kg (tương đương 1,41 USD/kg), tăng 2,5% so với cuối tháng 9/2022, nhưng giảm 9,8% so với cùng kỳ năm 2021.

Diễn biến giá cao su RSS3 tại Thái Lan từ đầu năm 2022 đến nay (ĐVT: Baht/kg)



Nguồn: thainr.com

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Quý 3/2022, giá cao su nguyên liệu trong nước có xu hướng giảm, giá giảm khoảng 40-50 đồng/độ mủ so với cuối quý 2/2022. Tháng 10/2022, giá mủ cao su nguyên liệu biến động nhẹ. Tại Bình Phước, Công ty cao su Phú Riềng thu mua mủ nguyên liệu ở mức 270-285 đồng/độ mủ, tăng 10-15

đồng/độ mủ so với cuối tháng 9/2022. Tại Bình Dương, Công ty cao su Phước Hòa thu mua mủ nguyên liệu ở mức 273-275 đồng/độ mủ, ổn định so với cuối tháng trước. Tại Gia Lai, Công ty cao su Mang Yang thu mua với giá 230-240 đồng/độ mủ, giảm 10 đồng/độ mủ so với cuối tháng 9/2022.

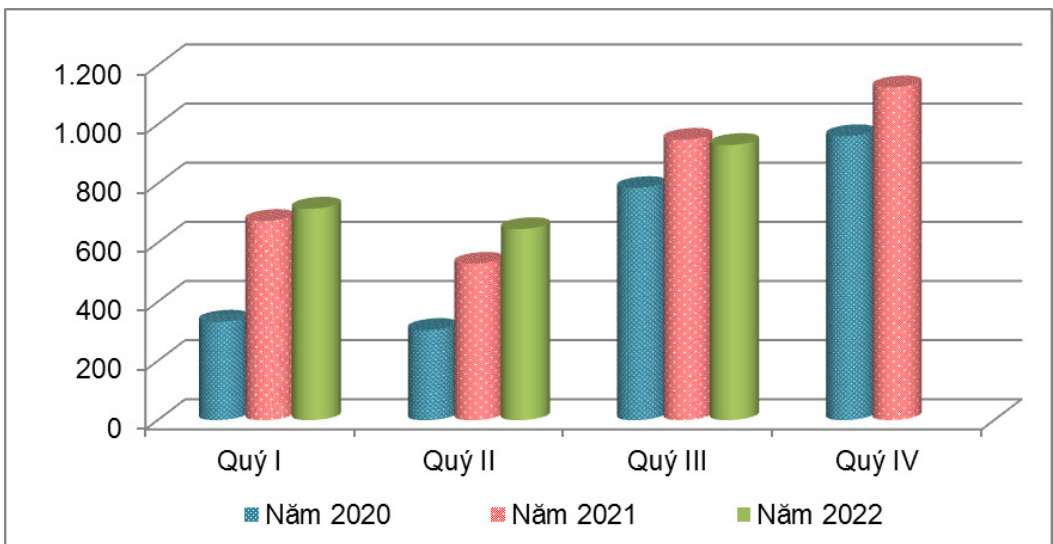
TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU CAO SU CỦA VIỆT NAM

Theo tính toán từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, trong quý 3/2022, xuất khẩu cao su của Việt Nam đạt 609,17 nghìn tấn, trị giá 930,86 triệu USD, tăng 6% về lượng, nhưng giảm 1,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Lượng cao su

xuất khẩu của Việt Nam trong quý 3/2022 tiếp tục tăng trưởng so với cùng kỳ năm 2021 nhờ nhu cầu tiêu thụ cao su toàn cầu phục hồi, tuy nhiên trị giá vẫn giảm do giá cao su giảm mạnh.

Kim ngạch xuất khẩu cao su theo quý giai đoạn 2020 – 2022

(ĐVT: triệu USD)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Trong quý IV/2022, xuất khẩu cao su của Việt Nam vẫn gặp khó khăn do đồng USD đã bước vào chu kỳ tăng giá như một tài sản trú ẩn trước lạm phát. Vì các loại hàng hóa cơ bản được tính bằng USD, nên khi USD tăng mạnh sẽ hạ giá trị các loại hàng hóa này. Cao su cũng không ngoại lệ khi giá mủ có diễn biến giảm trong giai đoạn đồng USD tăng mạnh. Mặt khác, rủi ro của ngành cao su là mưa lớn kéo dài vào vụ cao điểm nên ảnh hưởng đến sản lượng mủ thu hoạch. Hiện

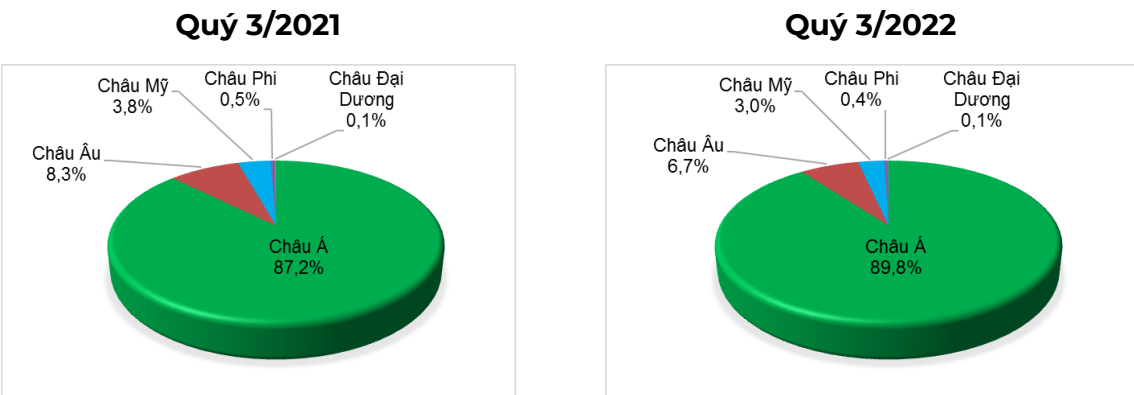


tượng La Nina tiếp diễn năm thứ 3 liên tiếp trong 2022 làm gia tăng tần suất và lượng mưa, qua đó tác động tiêu cực đến hoạt động thu hoạch và sản lượng mủ cao su của các doanh nghiệp.

Về thị trường xuất khẩu: trong quý 3/2022, cao su của Việt Nam chủ yếu được

xuất khẩu sang khu vực châu Á, chiếm tới 89,8% tổng trị giá xuất khẩu cao su của cả nước. Quý 3/2022, xuất khẩu cao su sang khu vực châu Á đạt 548,97 nghìn tấn, trị giá 836,16 triệu USD, tăng 9,1% về lượng và tăng 1,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

Cơ cấu khu vực thị trường xuất khẩu cao su của Việt Nam
(% tính theo trị giá)



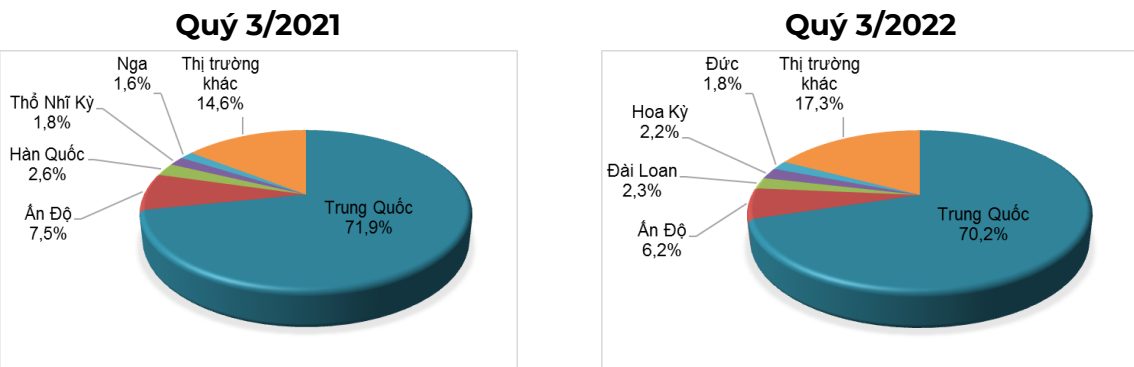
Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Trong quý 3/2022, xuất khẩu cao su của Việt Nam sang phần lớn các thị trường đều tăng trưởng tốt so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, Trung Quốc vẫn là thị trường lớn nhất tiêu thụ cao su của Việt Nam, với 453,06 nghìn tấn, trị giá 669,14 triệu USD, tăng 10,4% về lượng và tăng 0,5% về trị giá so với cùng kỳ năm

2021, chiếm 70,2% trong tổng trị giá xuất khẩu cao su của cả nước.

Đứng thứ hai là xuất khẩu sang Ấn Độ với 42,04 nghìn tấn, trị giá 69,64 triệu USD, tăng 25,1% về lượng và tăng 18,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021, chiếm 6,2% trong tổng trị giá xuất khẩu cao su của cả nước trong quý 3/2022.

Cơ cấu thị trường xuất khẩu cao su của Việt Nam
(% tính theo trị giá)

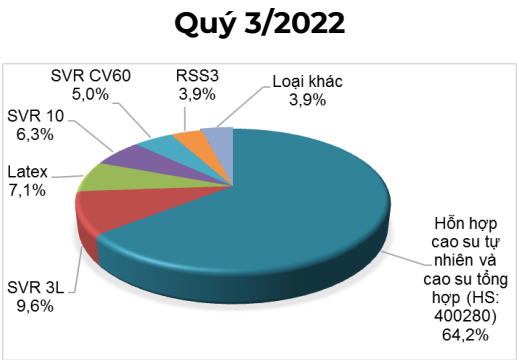
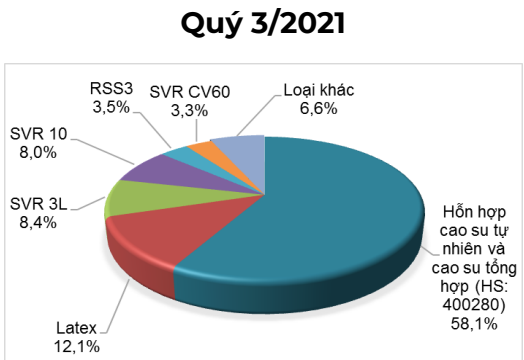


Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Về chủng loại xuất khẩu: Trong quý 3/2022, phần lớn các chủng loại cao su xuất khẩu đều tăng trưởng tốt so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, hỗn hợp cao su tự nhiên và cao su tổng hợp (HS 400280) là mặt hàng được xuất khẩu nhiều nhất, chiếm 64,2% tổng lượng cao su xuất khẩu của cả nước, với 347,04 nghìn tấn, trị giá 540,95 triệu USD, giảm

6% về lượng và giảm 11,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, xuất khẩu sang Trung Quốc chiếm 99,76% tổng lượng hỗn hợp cao su tự nhiên và cao su tổng hợp xuất khẩu của cả nước, với 346,21 nghìn tấn, trị giá 538,7 triệu USD, giảm 5,5% về lượng và giảm 10,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

Chủng loại cao su xuất khẩu của Việt Nam (% tính theo trị giá)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam

Về giá xuất khẩu: trong quý 3/2022, giá xuất khẩu bình quân hầu hết các chủng loại cao su đều trong xu hướng giảm so với cùng kỳ năm 2021, trong đó đáng chú ý như: Hỗn hợp cao su tự nhiên

và cao su tổng hợp giảm 5,5%; Latex giảm 6%; SVR 3L giảm 7,1%; SVR10 giảm 5,9%; RSS3 giảm 7,1%; SVRCV60 giảm 8,2%; RSS1 giảm 10,6%...

DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU CAO SU CỦA 5 THỊ TRƯỜNG LỚN NHẤT THẾ GIỚI VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Trong 7 tháng đầu năm 2022, hầu hết các thị trường nhập khẩu cao su lớn trên thế giới đều tăng nhập khẩu cao su so với cùng kỳ năm 2021. Trừ Trung Quốc và Ấn Độ, thì nhập khẩu cao su của các thị trường này từ Việt Nam đều có xu hướng giảm so với cùng kỳ năm 2021.

Trung Quốc: Trong 7 tháng đầu năm 2022, Trung Quốc là thị trường nhập khẩu cao su lớn nhất thế giới, với trị giá đạt 7,73 tỷ USD, tăng 10,1% so với cùng kỳ

năm 2021. Trong đó, Trung Quốc nhập khẩu cao su từ Việt Nam đạt 1,18 tỷ USD, tăng 10,6% so với cùng kỳ năm 2021, thị phần cao su Việt Nam chiếm 15,4% trong tổng trị giá nhập khẩu cao su của Trung Quốc trong 7 tháng đầu năm 2022, so với mức 15,3% của cùng kỳ năm 2021.

Tuy Trung Quốc vẫn thực hiện chính sách “Zero Covid”, nhưng nước này cũng đang cần nhập khẩu lượng mủ cao su và cao su sơ chế rất lớn để phục vụ cho

sản xuất các sản phẩm cao su của nước này.

Thời gian tới, dự báo nhu cầu cao su của Trung Quốc tiếp tục được cải thiện bởi ngành sản xuất xe hơi Trung Quốc có thể sẽ tiếp tục tăng trong giai đoạn cuối năm nhờ hưởng lợi của chính sách kích thích tiêu thụ ô tô, cùng với ngành sản xuất xe hơi phục hồi. Khối lượng hợp đồng giao sau của cao su cũng liên tục gia tăng trong những tháng gần đây, kỳ vọng khả quan cho hoạt động xuất khẩu cao su tự nhiên của Việt Nam. Dự tính trung bình Trung Quốc cần tiêu thụ khoảng 500 nghìn tấn cao su tự nhiên mỗi tháng. Tuy vậy, nguồn cung nội địa của Trung Quốc chỉ đáp ứng được khoảng 115 nghìn tấn mỗi tháng (khoảng 23%), lượng còn thiếu được bù đắp nhờ nhập khẩu từ các nước như Thái Lan, Việt Nam và In-đô-nê-xi-a.



Ấn Độ: Trong 7 tháng đầu năm 2022, kim ngạch nhập khẩu cao su của Ấn Độ đạt 1,57 tỷ USD, tăng 17,2% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, Ấn Độ nhập khẩu cao su từ Việt Nam đạt 146,95 triệu USD, tăng 58,5% so với cùng kỳ năm 2021, thị phần cao su Việt Nam chiếm 9,3% trong tổng trị giá nhập khẩu cao su của Ấn Độ trong 7 tháng đầu năm 2022, cao hơn so với mức 6,9% của cùng kỳ năm 2021.

**5 thị trường nhập khẩu cao su lớn trong 7 tháng đầu năm 2022
và thị phần của Việt Nam**

Thị trường	Tổng nhập khẩu của các thị trường		Nhập khẩu từ Việt Nam		Thị phần cao su của Việt Nam/tổng nhập khẩu (%)	
	7 tháng năm 2022 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2021 (%)	7 tháng năm 2022 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2021 (%)	7 tháng năm 2021	7 tháng năm 2022
Trung Quốc (*)	7.737.888	10,1	1.188.887	10,6	15,3	15,4
Hoa Kỳ	3.122.673	26,2	44.274	-1,6	1,8	1,4
Ma-lai-xi-a	1.830.502	-35,1	11.739	-8,6	0,5	0,6
Ấn Độ (**)	1.571.770	17,2	146.950	58,5	6,9	9,3
Đức	1.555.796	11,2	35.358	-16,8	3,0	2,3

Nguồn: ITC, * Cơ quan Hải quan Trung Quốc, ** Bộ Thương mại Ấn Độ

THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ

- ▶ Giá cà phê trên thị trường thế giới tiếp tục xu hướng giảm mạnh kể từ cuối tháng 8/2022 đến nay.
- ▶ Ngày 28/10/2022, giá cà phê Robusta tại thị trường nội địa giảm 5.400 đồng/kg so với ngày 28/9/2022.
- ▶ Quý 3/2022, xuất khẩu cà phê của Việt Nam giảm 27% về lượng và giảm 24,8% về trị giá so với quý 2/2022.
- ▶ Thị phần cà phê Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Đức và Pháp tăng, trong khi tỷ trọng trong tổng nhập khẩu của Hoa Kỳ, Hàn Quốc và Ca-na-đa giảm.

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

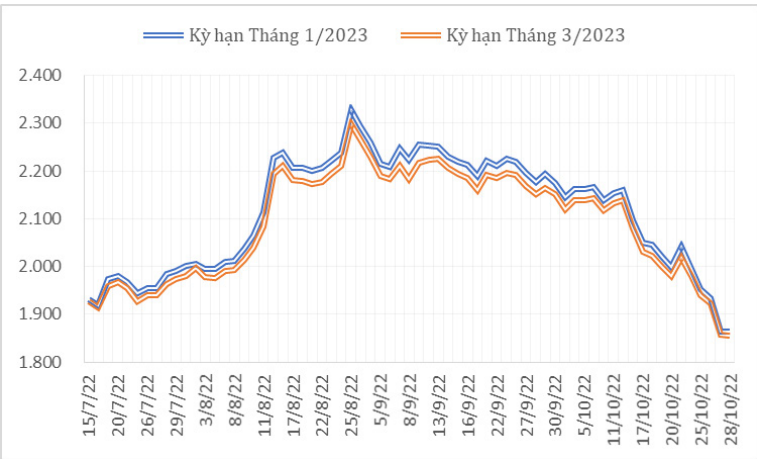
Quý 3/2022, giá cà phê thế giới có sự biến động mạnh. Sau khi ghi nhận ở mức thấp vào tháng 7/2022, giá cà phê phục hồi vào tháng 8/2022, nhưng sau đó giảm trở lại vào tháng 9/2022. Tháng 10/2022, giá cà phê thế giới tiếp tục xu hướng giảm.

+ Trên sàn giao dịch London, ngày 28/10/2022, giá cà phê Robusta kỳ hạn giao tháng 11/2022, tháng 1/2023, tháng 3/2023 và tháng 5/2023 giảm lần lượt 13,9%, 14,4% , 13,8% và 13,5% so với ngày



28/9/2022, xuống còn 1.878 USD/tấn, 1.864 USD/tấn, 1.855 USD/tấn và 1.850 USD/tấn.

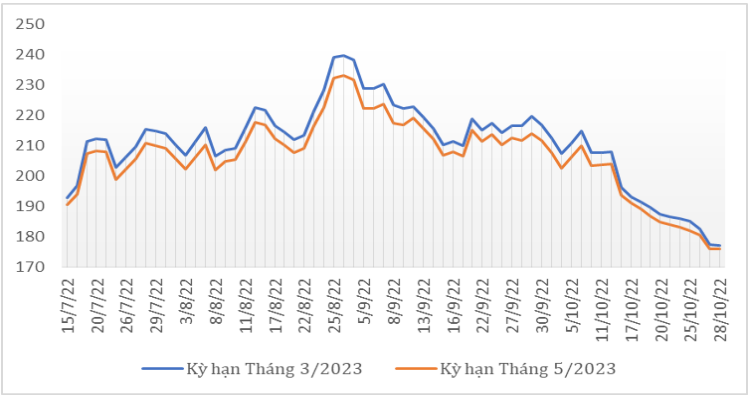
Diễn biến giá cà phê Robusta giao kỳ hạn trên sàn giao dịch London từ tháng 7/2022 đến nay (ĐVT: USD/tấn)



Nguồn: Sàn giao dịch London

+ Trên sàn giao dịch New York, ngày 28/10/2022, giá cà phê Arabica giao kỳ hạn tháng 12/2022, tháng 3/2023, tháng 5/2023 và 7/2023 giảm lần lượt 20,3%, 18,2%, 16,9% và 15,9% so với ngày 28/9/2022, xuống còn 178,85 UScent/lb, 176,95 UScent/lb, 175,85 UScent/lb và 174,65 UScent/lb.

Diễn biến giá cà phê Arabica trên sàn giao dịch New York từ tháng 7/2022 đến nay (ĐVT: UScent/lb)



Nguồn: Sàn giao dịch New York

+ Trên sàn giao dịch BMF của Bra-xin, ngày 28/10/2022, giá cà phê Arabica giao kỳ hạn tháng 12/2022, tháng 3/2023, tháng 5/2023 và tháng 7/2023 giảm lần lượt 19,3%, 19,4%, 18,1% và 16,8% so với ngày 28/9/2022, xuống còn lần lượt 211,1 UScent/lb, 211,55 UScent/lb, 213,9 UScent/lb và 215,7 UScent/lb.

+ Tại cảng khu vực thành phố Hồ Chí Minh, cà phê Robusta xuất khẩu loại 2, tỷ lệ đen vỡ 5% giao dịch ở mức giá 1.933 USD/tấn, chênh lệch +55 USD/tấn, giảm 302 USD/tấn (tương đương mức giảm 13,5%) so với ngày 28/9/2022.

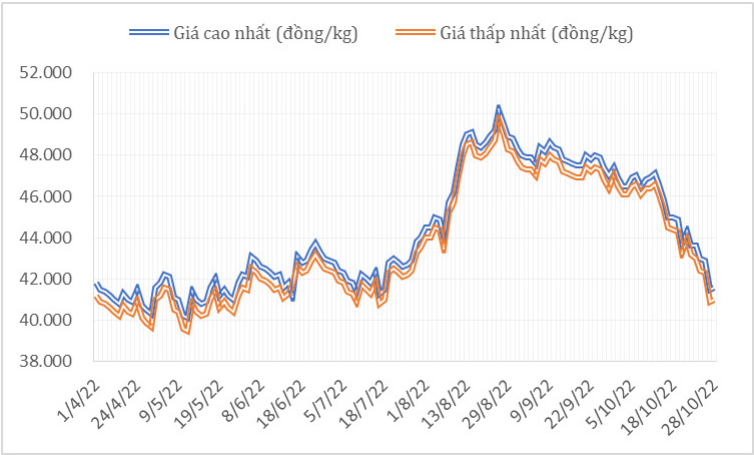
Dự báo giá cà phê thế giới sẽ tiếp tục giảm trong thời gian tới. Số liệu công bố cho thấy, GDP của Hoa Kỳ quý 3/2022 tăng 2,6% so với quý trước. Điều này sẽ góp phần giúp Cục Dự trữ liên bang Hoa Kỳ (FED) mạnh tay trong việc nâng lãi suất điều hành trong cuộc họp tới. Tương tự, Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) đã quyết định nâng lãi suất thêm 75 điểm phần trăm. Lãi suất tăng cao, sức tiêu thụ giảm, trong khi nguồn cung dồi dào khi nhiều nước sản xuất cà phê chính bước vào kỳ thu hoạch vụ mùa mới của niên vụ 2022/2023.

TRONG NƯỚC: GIÁ GIẢM MẠNH

Quý 3/2022, giá cà phê Robusta tại thị trường nội địa ghi nhận mức cao trong tháng 8/2022, nhưng sau đó có xu hướng giảm. Cuối tháng 10/2022, giá cà phê Robusta giảm mạnh 5.400 đồng/kg so với cuối tháng 9/2022.

Ngày 28/10/2022, giá cà phê Robusta trong nước giảm 5.400 đồng/kg so với ngày 28/9/2022, xuống mức 41.000 đồng/kg tại tỉnh Lâm Đồng; 41.600 đồng/kg tại tỉnh Đắk Lắk; tại tỉnh Gia Lai và Đắk Nông, giá ở mức 41.500 đồng/kg.

Diễn biến giá cà phê Robusta tại thị trường nội địa từ đầu tháng 4/2022 đến nay



Nguồn: giacaphe.com

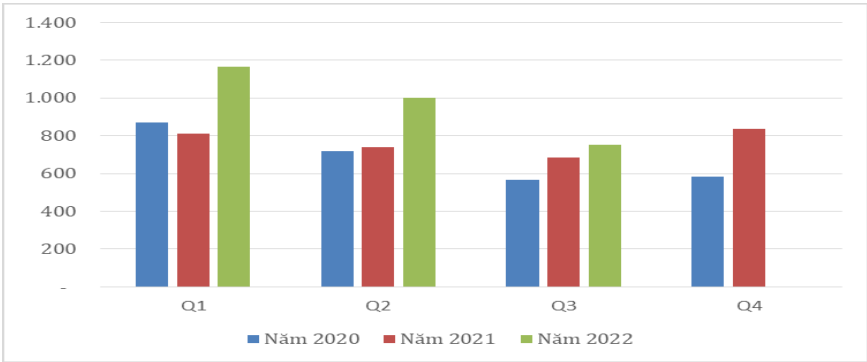
QUÝ 3/2022, XUẤT KHẨU CÀ PHÊ GIẢM SO VỚI QUÝ TRƯỚC VÀ SO VỚI CÙNG KỲ NĂM 2021

Quý 3/2022, xuất khẩu cà phê của Việt Nam đạt xấp xỉ 319 nghìn tấn, trị giá 753,9 triệu USD, giảm 27% về lượng và giảm 24,8% về trị giá so với quý 2/2022, so với quý 3/2021 giảm 6,9% về lượng, nhưng tăng 9,9% về trị giá.

Nhu cầu tiêu thụ cà phê thế giới giảm

do kinh tế toàn cầu chịu ảnh hưởng bởi xung đột giữa Nga và U-crai-na kéo dài và chưa có dấu hiệu lắng dịu, trong khi lạm phát tăng cao. Dự báo trong ngắn hạn, xuất khẩu cà phê của Việt Nam vẫn đối mặt với khó khăn do nhu cầu thấp, giá giảm.

Trị giá xuất khẩu cà phê qua các quý giai đoạn 2020 – 2022
(ĐVT: triệu USD)



Nguồn: Tổng cục Hải quan

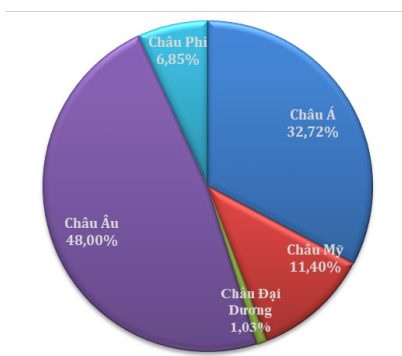
Quý 3/2022 so với quý 2/2022, trị giá xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang tất cả các khu vực giảm; So với quý 3/2021, trị giá xuất khẩu sang hầu hết khu vực tăng, trừ khu vực Châu Phi. Tính chung 9 tháng năm 2022, trị giá xuất khẩu cà phê

sang tất cả các khu vực tăng so với cùng kỳ năm 2021. Mức tăng cao nhất 97,2% xuất khẩu tới khu vực Châu Đại Dương; mức tăng thấp nhất 11,4% xuất khẩu tới khu vực Châu Á.

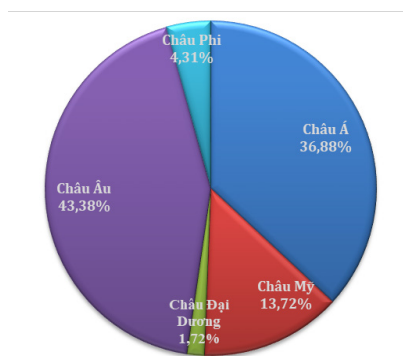
Cơ cấu khu vực xuất khẩu cà phê trong quý 3

(tỷ trọng tính theo trị giá)

Quý 3/2021



Quý 3/2022



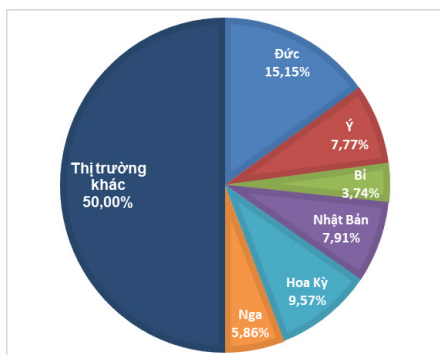
Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Quý 3/2022 so với quý 2/2022, trị giá xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang hầu hết các thị trường chủ lực giảm, ngoại trừ Nga tăng 11,1%. So với quý 3/2021, trị giá xuất khẩu cà phê sang các thị trường Ý, Nhật Bản, Nga tăng mạnh, nhưng sang Đức, Bỉ, Hoa Kỳ giảm.

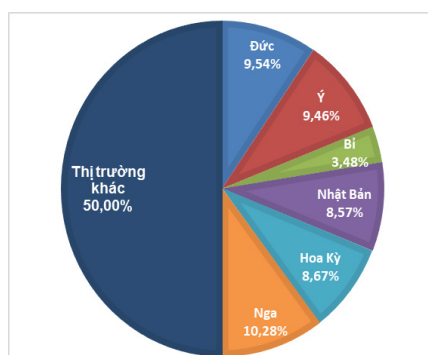
Cơ cấu các thị trường xuất khẩu cà phê lớn trong quý 3

(Tỷ trọng tính theo trị giá)

Quý 3/2021



Quý 3/2022



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Quý 3/2022 so với quý 2/2022, trị giá xuất khẩu hầu hết các chủng loại cà phê giảm, ngoại trừ cà phê chế biến tăng 3,5%. So với quý 3/2021, trị giá xuất khẩu tất cả các chủng loại cà phê tăng. Mức tăng cao nhất 43,4% đối với cà phê Arabica; mức tăng thấp nhất 9,5% với cà phê Robusta. Tính chung 9 tháng năm 2022, xuất khẩu cà phê Robusta tăng 33,7%, đạt 2,24 tỷ USD; xuất khẩu cà phê Arabica tăng 67,9%, đạt 208 triệu USD;

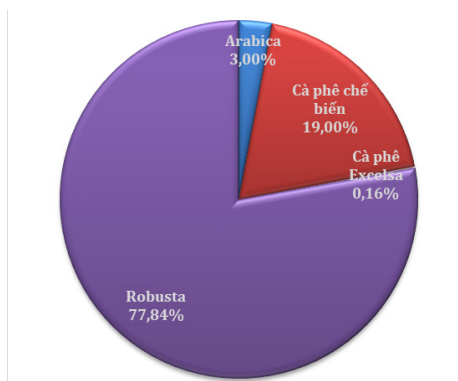
xuất khẩu cà phê chế biến tăng 16,5%, đạt 481 triệu USD. Ngược lại, xuất khẩu cà phê Excelsa giảm 9,1%, đạt 3 triệu USD.



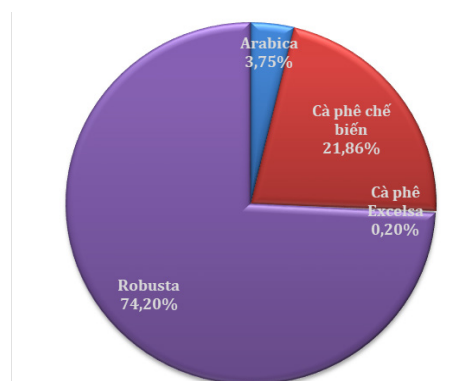
Cơ cấu chủng loại cà phê xuất khẩu trong quý 3

(Tỷ trọng tính theo trị giá)

Quý 3/2021



Quý 3/2022



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU CÀ PHÊ CỦA 5 THỊ TRƯỜNG LỚN NHẤT VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

7 tháng đầu năm 2022, nhập khẩu cà phê của hầu hết các thị trường có dung lượng lớn tăng. Nhờ vậy, ngành cà phê Việt Nam cũng được hưởng lợi. Tuy nhiên, từ tháng 8/2022 đến nay, thị trường cà phê toàn cầu đối mặt với khó khăn, giá giảm xuống mức thấp, nhu cầu tiêu thụ chậm lại. Lạm phát tăng cao, người dân có xu hướng thắt chặt chi tiêu. Nhiều khả năng các tháng cuối của năm 2022 và đầu năm 2023, thị trường cà phê toàn cầu vẫn đối mặt với khó khăn. Mới đây, Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA) dự báo, sản lượng cà phê toàn cầu niên vụ 2022/2023 tăng 7,8 triệu bao (tương đương mức tăng 4,7%) so với niên vụ 2021/2022, chủ yếu do vụ mùa Arabica của Bra-xin bước vào năm cho sản lượng cao theo chu kỳ “hai năm một”. Nhu cầu tiêu thụ cà phê toàn cầu dự kiến sẽ tăng 1,8 triệu bao lên 167 triệu bao, với mức tăng lớn nhất ở Liên minh châu Âu, Hoa Kỳ, Nhật Bản và Bra-xin. Xuất khẩu cà phê toàn cầu dự báo tăng 1 triệu bao, lên 141,5 triệu bao nhờ xuất khẩu của Bra-xin và In-đô-nê-xi-a cao hơn.

Thị trường Pháp

Pháp là một trong những thị trường tiêu thụ cà phê lớn trên thế giới. Theo khảo sát, 68% người Pháp uống cà phê thường xuyên. Chủng loại cà phê được người tiêu dùng Pháp ưa chuộng là cà phê đặc sản và cà phê hòa tan do cuộc sống bận rộn và thu nhập cá nhân tăng.

Theo Trung tâm Thương mại Quốc tế, 7 tháng đầu năm 2022, nhập khẩu cà phê của Pháp đạt 1,9 tỷ USD, tăng 7,5% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, Pháp nhập khẩu cà phê từ Việt Nam đạt 40,7 triệu USD, tăng 64,9% so với cùng kỳ năm 2021. Thị phần cà phê của Việt Nam trong tổng trị giá nhập khẩu của Pháp chiếm 2,14% trong 7 tháng đầu năm 2022, cao hơn so với thị phần 1,39% trong 7 tháng đầu năm 2021. EVFTA giúp ngành cà phê Việt Nam nâng cao giá trị sản phẩm và gia tăng thị phần tại Pháp. Tuy nhiên, thị trường Pháp yêu cầu khá khắt khe về chất lượng cà phê, do đó thị phần cà phê của Việt Nam trong tổng kim ngạch nhập khẩu của Pháp vẫn ở mức thấp.

Thị trường Ca-na-đa

Cà phê được coi là một phần quan trọng trong thói quen hàng ngày của nhiều người Ca-na-đa. Theo khảo sát từ Hiệp hội Cà phê Ca-na-đa, 71,0% người trưởng thành Ca-na-đa uống cà phê hàng ngày, tiêu thụ bình quân 2,7 tách/ngày. Do đó, Ca-na-đa được coi là thị trường tiềm năng đối với các nước xuất khẩu cà phê.

Theo Trung tâm Thương mại Quốc tế, 7 tháng đầu năm 2022, Ca-na-đa nhập khẩu cà phê từ thế giới đạt 1,08 tỷ USD, tăng 40,6% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, Ca-na-đa nhập khẩu cà phê từ Việt Nam đạt 18,4 triệu USD, tăng 88,5% so với cùng kỳ năm 2021. Thị phần cà phê của Việt Nam trong tổng trị giá nhập khẩu của Ca-na-đa tăng từ 1,26% trong 7 tháng đầu năm 2021 lên 1,69% trong 7 tháng đầu năm 2022.



Nhìn chung, ngành cà phê Việt Nam vẫn còn nhiều dư địa để đẩy mạnh xuất khẩu sang thị trường Ca-na-đa trong thời gian tới.

5 thị trường nhập khẩu cà phê lớn và thị phần của Việt Nam trong 7 tháng đầu năm 2022

Thị trường	Nhập khẩu từ thế giới		Nhập khẩu từ Việt Nam		Thị phần nhập khẩu từ Việt Nam (%)	
	7 tháng đầu năm 2022 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2021 (%)	7 tháng đầu năm 2022 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2021 (%)	7 tháng năm 2022	7 tháng năm 2021
Hoa Kỳ	5.817.433	51,6	211.947	43,8	3,64	3,84
Đức	3.335.947	46,6	344.325	70,8	10,32	8,86
Pháp	1.904.781	7,5	40.707	64,9	2,14	1,39
Ca-na-đa	1.086.457	40,6	18.406	88,5	1,69	1,26
Hàn Quốc	714.144	42,1	46.957	26,6	6,58	7,38

Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế

(*) Ghi chú HS 0901 Cà phê, đã hoặc chưa rang hoặc chưa tách cafein; vỏ và vỏ cà phê; sản phẩm thay thế

THỊ TRƯỜNG HẠT TIÊU

- ▶ Quý 3/2022, thị trường hạt tiêu toàn cầu đối mặt với khó khăn do nhu cầu thấp, giá giảm. Xu hướng giảm kéo dài sang tháng 10/2022 do lạm phát tăng cao.
- ▶ Áp lực nguồn cung tăng lên vào đầu vụ mới và nguồn dự trữ khá dồi dào đang gây sức ép lên thị trường hạt tiêu trong nước.
- ▶ Xuất khẩu hạt tiêu của Việt Nam trong quý 3/2022 giảm 27% về lượng và giảm 31,8% về trị giá so với quý 2/2022, so với quý 3/2021 giảm 12,5% về lượng và giảm 4,2% về trị giá.
- ▶ Thị phần hạt tiêu Việt Nam trong tổng nhập khẩu của hầu hết các thị trường nhập khẩu lớn tăng.



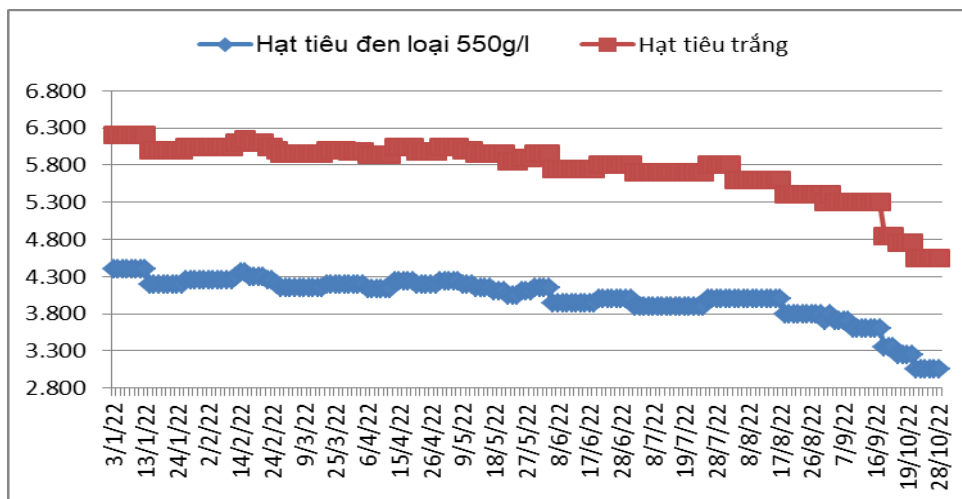
THỊ TRƯỜNG HẠT TIÊU THẾ GIỚI

Quý 3/2022, thị trường hạt tiêu toàn cầu đối mặt với khó khăn do nhu cầu thấp, giá giảm. Xu hướng giảm kéo dài sang tháng 10/2022 do lạm phát tăng cao, nhu cầu tiêu thụ chậm lại, nguồn cung dồi dào.

+ Tại Bra-xin, ngày 28/10/2022, giá hạt tiêu đen xuất khẩu giảm 175 USD/tấn so với ngày 30/9/2022, xuống còn 2.475 USD/tấn.

+ Tại cảng khu vực Thành phố Hồ Chí Minh của Việt Nam, ngày 28/10/2022, giá hạt tiêu đen loại 500g/l và 550g/l xuất khẩu giảm lần lượt 200 USD/tấn và 300 USD/tấn so với ngày 30/9/2022, xuống còn 2.950 USD/tấn và 3.050 USD/tấn. Giá hạt tiêu trắng xuất khẩu giảm mạnh 600 USD/tấn so với ngày 30/9/2021, xuống mức 4.550 USD/tấn.

Diễn biến giá hạt tiêu đen và hạt tiêu trắng xuất khẩu của Việt Nam từ đầu năm 2022 đến nay (ĐVT: USD/tấn)



Nguồn: Hiệp hội hạt tiêu Quốc tế (IPC)

+ Tại cảng Kuching của Ma-lai-xi-a, ngày 28/10/2022, giá hạt tiêu đen và hạt tiêu trắng xuất khẩu giảm lần lượt 800 USD/tấn và 300 USD/tấn so với ngày 30/9/2021, xuống mức 5.100 USD/tấn và 7.300 USD/tấn.

+ Tại cảng Lampung ASTA của In-đô-nê-xi-a, ngày 28/10/2022, giá hạt tiêu đen và hạt tiêu trắng xuất khẩu giảm lần lượt 146 USD/tấn và 261 USD/tấn so

với ngày 30/9/2022, xuống còn 3.677 USD/tấn và 5.952 USD/tấn.

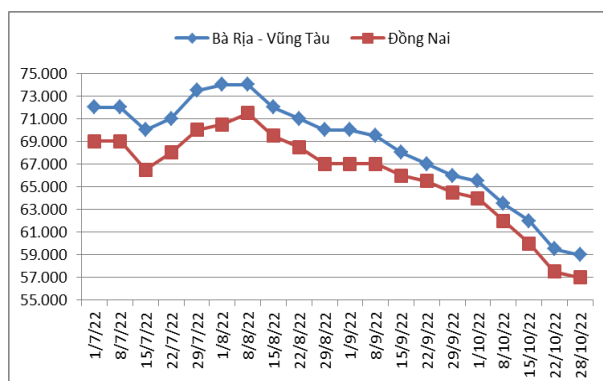
Dự báo giá hạt tiêu toàn cầu sẽ biến động theo xu hướng giảm trong thời gian tới. Việt Nam sắp vào vụ thu hoạch rộ, trong khi nhu cầu tiêu thụ toàn cầu ở mức thấp. Mặc dù vậy, thị trường vẫn xuất hiện tín hiệu lạc quan khi Trung Quốc tăng nhập khẩu để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ cuối năm.

TRONG NƯỚC: GIÁ GIẢM MẠNH

Áp lực nguồn cung tăng lên vào đầu vụ mới và nguồn dự trữ khá dồi dào đang gây sức ép lên thị trường hạt tiêu trong nước. Tỷ giá USD/VND tăng mạnh khiến người trồng đẩy mạnh bán ra.

Quý 3/2022, giá hạt tiêu đen trong nước biến động theo xu hướng giảm. Sang tháng 10/2022, giá hạt tiêu đen tại thị trường nội địa giảm xuống mức thấp nhất kể từ đầu năm nay. Ngày 28/10/2022, giá hạt tiêu đen giảm từ 6.500 – 7.000 đồng/kg so với ngày 29/9/2022, xuống mức 56.500 – 59.000 đồng/kg.

Diễn biến giá hạt tiêu đen trong nước từ tháng 7/2022 đến nay (ĐVT: đồng/kg)



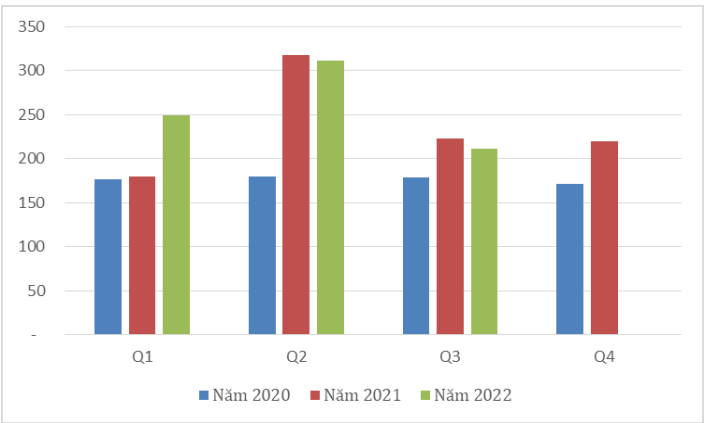
Nguồn: Hiệp hội Hồ tiêu Việt Nam

QUÝ 3/2022, XUẤT KHẨU HẠT TIÊU GIẢM SO VỚI QUÝ TRƯỚC VÀ SO VỚI CÙNG KỲ NĂM 2021

Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, xuất khẩu hạt tiêu của Việt Nam trong quý 3/2022 đạt 51,57 nghìn tấn, trị giá 213 triệu USD, giảm 27% về lượng và giảm 31,8% về trị giá so với quý 2/2022, so với quý 3/2021 giảm 12,5% về lượng và giảm 4,2% về trị giá. Tính chung 9 tháng năm 2022, xuất khẩu hạt tiêu của Việt Nam đạt 174,53 nghìn tấn, trị giá 770,44 triệu USD, giảm 18% về lượng, nhưng tăng 7,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

Dự báo xuất khẩu hạt tiêu của Việt Nam sẽ đối mặt với khó khăn trong thời gian tới. Xung đột vũ trang giữa Nga và U-crai-na chưa có dấu hiệu lắng xuống, lạm phát tăng cao dẫn tới việc thắt chặt chi tiêu của người dân ở hầu hết các quốc gia và vùng lãnh thổ. Do đó, nhu cầu tiêu thụ những mặt hàng không thực sự thiết yếu giảm. Giá hạt tiêu sẽ biến động theo xu hướng giảm khi mà suy thoái kinh tế thế giới được dự báo sẽ kéo dài sang năm 2023.

Xuất khẩu hạt tiêu qua các quý giai đoạn 2020 – 2022 (ĐVT: triệu USD)

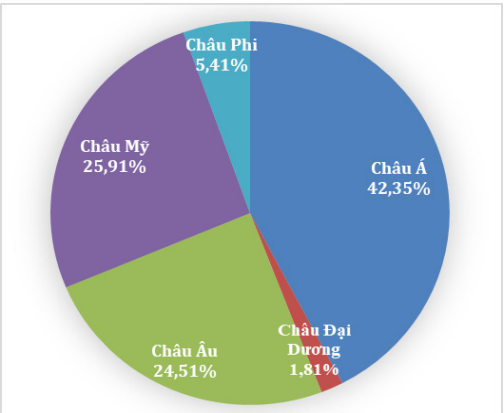


Nguồn: Tổng cục Hải quan

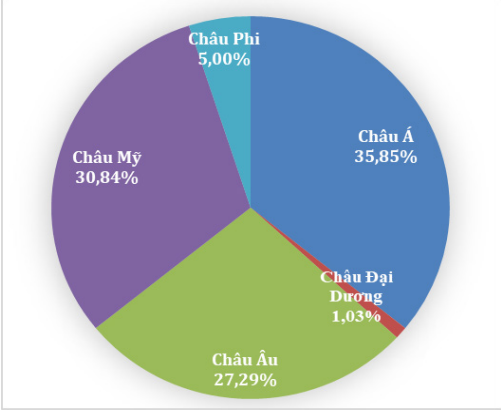
Quý 3/2022 so với quý 2/2022, trị giá xuất khẩu hạt tiêu của Việt Nam sang hầu hết các khu vực giảm, ngoại trừ Châu Đại Dương. So với quý 3/2021, trị giá xuất khẩu hạt tiêu sang hầu hết các khu vực giảm, ngoại trừ khu vực châu Mỹ và châu Đại Dương. Tính chung 9 tháng năm 2022, trị giá xuất khẩu hạt tiêu của Việt Nam sang các khu vực Châu Mỹ và Châu Phi tăng trưởng khả quan so với cùng kỳ năm 2021.

Cơ cấu khu vực xuất khẩu hạt tiêu trong quý 3 (tỷ trọng tính theo trị giá)

Quý 3/2021



Quý 3/2022



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

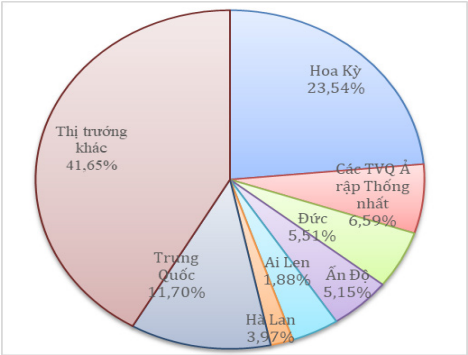
Quý 3/2022 so với quý 2/2022, trị giá hạt tiêu của Việt Nam xuất khẩu sang hầu hết các thị trường chủ lực giảm, gồm: Hoa Kỳ, Các Tiểu vương quốc Ả rập thống nhất, Ấn Độ, Đức, Hà Lan; Ngược lại, trị giá xuất khẩu hạt tiêu sang các thị trường Ai Len, Trung Quốc tăng. So với quý 3/2021, trị giá xuất khẩu hạt tiêu sang các thị trường Hoa Kỳ, Ai Len, Anh,

Thái Lan, Nga tăng; Trong khi xuất khẩu hạt tiêu sang các thị trường Các Tiểu vương quốc Ả rập thống nhất, Ấn Độ, Đức giảm.

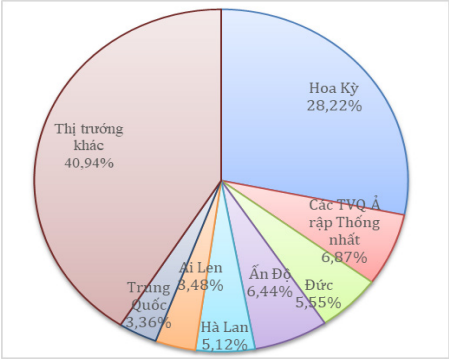
Tính chung 9 tháng năm 2022, trị giá xuất khẩu hạt tiêu của Việt Nam sang hầu hết các thị trường chủ lực tăng so với cùng kỳ năm 2021, ngoại trừ Trung Quốc.

Cơ cấu các thị trường xuất khẩu hạt tiêu trong quý 3 (Tỷ trọng tính theo trị giá)

Quý 3/2021



Quý 3/2022



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

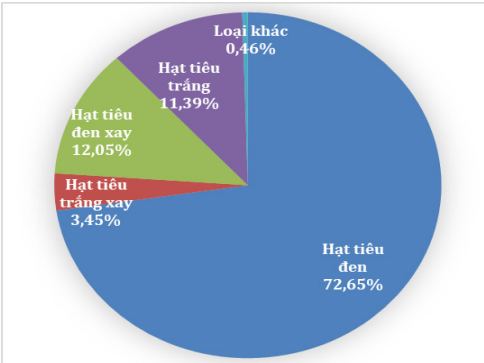
Quý 3/2022 so với quý 2/2022, trị giá xuất khẩu hạt tiêu đen và hạt tiêu trắng giảm mạnh, trong khi xuất khẩu hạt tiêu đen xay và hạt tiêu trắng xay tăng nhẹ. So với quý 3/2021, trị giá xuất khẩu hạt tiêu đen xay và hạt tiêu trắng xay tăng

mạnh, trong khi xuất khẩu hạt tiêu đen và hạt tiêu trắng giảm.

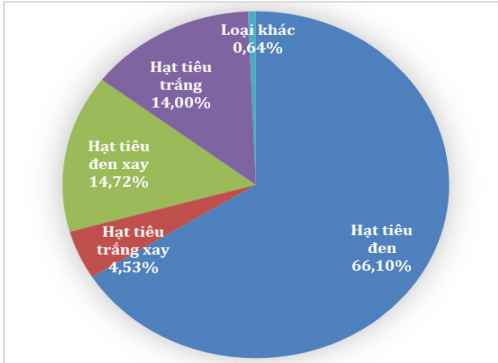
Tính chung 9 tháng năm 2022, trị giá xuất khẩu hầu hết các chủng loại hạt tiêu tăng so với cùng kỳ năm 2021, ngoại trừ hạt tiêu đen.

Cơ cấu chủng loại hạt tiêu xuất khẩu trong quý 3 (Tỷ trọng tính theo trị giá)

Quý 3/2021



Quý 3/2022



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU HẠT TIÊU CỦA 5 THỊ TRƯỜNG LỚN VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

7 tháng đầu năm 2022, trị giá nhập khẩu hạt tiêu của các thị trường có dung lượng lớn tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2021, chủ yếu do giá tăng. Tuy nhiên, trong những tháng còn lại của năm nay, thị trường hạt tiêu toàn cầu được dự báo sẽ gặp khó khăn do người dân thắt chặt chi tiêu. Giá có xu hướng giảm, bất chấp thông tin về sản lượng hạt tiêu giảm.

Số liệu thống kê từ Trung tâm Thương mại Quốc tế cho biết, Hoa Kỳ nhập khẩu hạt tiêu từ thế giới trong 7 tháng đầu năm nay đạt 282,75 triệu USD, tăng 39,7% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, Hoa Kỳ nhập khẩu từ Việt Nam đạt 205,64 triệu USD, tăng 59,3%. Thị phần hạt tiêu của Việt Nam trong tổng trị giá nhập

khẩu của Hoa Kỳ tăng từ 63,81% trong 7 tháng đầu năm 2021 lên 72,73% trong 7 tháng đầu năm 2022.

Mặc dù khu vực Châu Âu chịu ảnh hưởng nặng nề từ căng thẳng địa chính trị, tuy nhiên trị giá nhập khẩu hạt tiêu của các thị trường Đức, Anh, Pháp trong 7 tháng đầu năm 2022 tăng trưởng 2 con số. Đáng chú ý, nhập khẩu hạt tiêu của các thị trường Đức, Anh, Pháp từ Việt Nam tăng trưởng cao hơn nhiều so với tốc độ tăng trưởng nhập khẩu chung từ thế giới. Điều này cho thấy ngành hạt tiêu Việt Nam đã tận dụng được cơ hội từ các Hiệp định Thương mại tự do EVFTA, UKVFTA để đẩy mạnh xuất khẩu.

5 thị trường nhập khẩu hạt tiêu lớn nhất thế giới trong 7 tháng đầu năm 2022 và thị phần của Việt Nam

Thị trường	Nhập khẩu từ thế giới		Nhập khẩu từ Việt Nam		Thị phần nhập khẩu từ Việt Nam (%)	
	7 tháng đầu năm 2022 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2021 (%)	7 tháng đầu năm 2022 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2021 (%)	7 tháng năm 2022	7 tháng năm 2021
Hoa Kỳ	282.754	39,7	205.643	59,3	72,73	63,81
Đức	86.479	25,6	41.377	57,9	47,85	38,08
Nhật Bản	46.707	70,9	11.505	68,7	24,63	24,96
Anh	44.091	19,9	24.834	69,3	56,32	39,90
Pháp	43.508	26,2	16.792	57,1	38,60	31,00

Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế

(*) Ghi chú HS 090411 Hạt tiêu hạt lép, chưa rang, chưa xay; HS 090412 Hạt tiêu hạt lép, nghiền hoặc xay

THỊ TRƯỜNG CHÈ

- ▶ Trong 9 tháng năm 2022, xuất khẩu chè của Xri Lan-ca đạt 192,6 nghìn tấn, giảm 9% so với cùng kỳ năm 2021; Giá chè xuất khẩu bình quân đạt 1.527,7 Rs-FOB, tăng 64,8% so với cùng kỳ năm 2021.
- ▶ 7 tháng đầu năm 2022, thị phần chè của Việt Nam chỉ tăng trong tổng lượng nhập khẩu chè của Hoa Kỳ, còn lại giảm trong tổng lượng nhập khẩu của Pa-ki-xtan, Anh, Đức và Hồng Kông.
- ▶ 10 tháng năm 2022, xuất khẩu chè ước đạt 107 nghìn tấn, trị giá 181 triệu USD, tăng 2,3% về lượng và tăng 2,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.



THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Xri Lan-ca: Theo Hiệp hội xuất khẩu chè Xri Lan-ca, trong tháng 9/2022 xuất khẩu chè nước này đạt 21,54 nghìn tấn, giảm 8% so với tháng 9/2021. Giá chè xuất khẩu bình quân của Xri Lan-ca trong tháng 9/2022 đạt mức kỷ lục 1.981,63 Rs-FOB, tăng 120,7% so với tháng 9/2021.

Trong 9 tháng năm 2022, xuất khẩu chè của Xri Lan-ca đạt 192,6 nghìn tấn, giảm 9% so với cùng kỳ năm 2021; Giá

chè xuất khẩu bình quân đạt 1.527,7 Rs-FOB, tăng 64,8% so với cùng kỳ năm 2021.

Xri Lan-ca xuất khẩu chè chủ yếu tới một số thị trường chính trong 9 tháng năm 2022 gồm: I-rắc đạt 35,33 nghìn tấn, tăng 25% so với cùng kỳ năm 2021; Nga đạt 17,8 nghìn tấn, giảm 12%; UAE đạt 16,7 nghìn tấn, tăng 1,3%; Thổ Nhĩ Kỳ đạt 10,8 nghìn tấn, giảm 55,5%...

TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU CHÈ CỦA VIỆT NAM

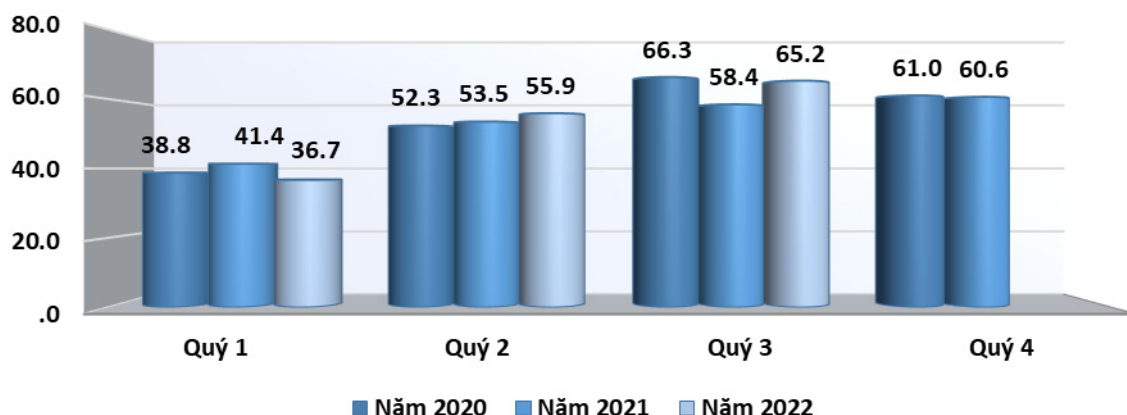
Ước tính, xuất khẩu chè trong tháng 10/2022 đạt 15 nghìn tấn, trị giá 23 triệu USD, tăng 14,3% về lượng và tăng 1,2% về trị giá so với tháng 10/2021. Giá chè xuất khẩu bình quân trong tháng 10/2022 đạt 1.552,7 USD/tấn, giảm 11,5% so với tháng 10/2021.

Tính chung 10 tháng năm 2022, xuất khẩu chè ước đạt 107 nghìn tấn, trị giá 181 triệu USD, tăng 2,3% về lượng và tăng 2,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Giá chè xuất khẩu bình quân trong 10 tháng năm 2022 đạt 1.691,4 USD/tấn, tăng 0,5% so với cùng kỳ năm 2021.

Theo tính toán từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, quý 3/2022, xuất khẩu chè đạt 38,4 nghìn tấn, trị giá 65,2 triệu USD, tăng 14,5% về lượng và tăng 11,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Giá chè xuất khẩu bình quân trong quý 3/2022 đạt 1.699,8 USD/tấn, giảm 2,6% so với cùng kỳ năm 2021.

Tính chung 9 tháng năm 2022, xuất khẩu chè đạt 92,1 nghìn tấn, trị giá 157,8 triệu USD, tăng 0,5% về lượng và tăng 3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Giá chè xuất khẩu bình quân trong 9 tháng năm 2022 đạt 1.714 USD/tấn, tăng 2,4% so với cùng kỳ năm 2021.

Kim ngạch xuất khẩu chè của Việt Nam theo quý giai đoạn năm 2020 – 2022 (ĐVT: Triệu USD)



Nguồn: Tính toán theo số liệu từ Tổng cục Hải quan

Về chủng loại: Chè xanh là loại được xuất khẩu nhiều nhất trong 9 tháng năm 2022, với trị giá chiếm 52,5% trong tổng trị giá xuất khẩu chè, tăng 5,3 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm 2021. Chè xanh xuất khẩu nhiều nhất tới khu vực châu Á, chiếm 95,9% tổng trị giá xuất khẩu chè xanh; Tiếp theo là khu vực châu Âu, châu Mỹ, Châu Đại Dương và châu Phi.

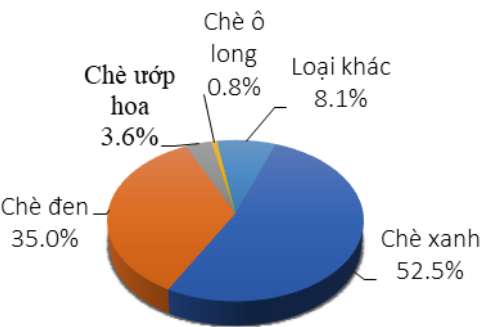
Chủng loại chè đen xuất khẩu lớn thứ

2 về trị giá, chiếm 35,03% trong tổng trị giá xuất khẩu chè, giảm 5,4 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm 2021. Trong khi chè đen xuất khẩu sang khu vực châu Á và châu Âu giảm, thì chè đen xuất khẩu tới châu Mỹ lại tăng khá, đạt 6 triệu USD, tăng 24,7% so với cùng kỳ năm 2021. Mặc dù xuất khẩu chè đen sang châu Mỹ tăng mạnh, nhưng trị giá xuất khẩu sang khu vực này chỉ chiếm 10,8% tổng trị giá xuất

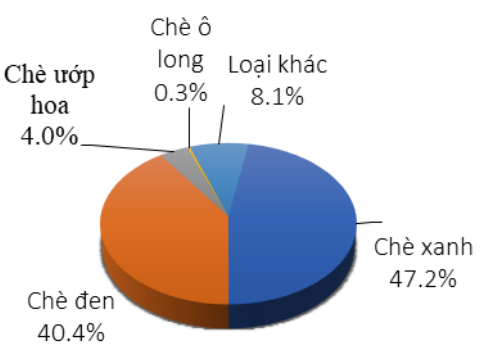
khẩu chè đen. Do đó, mức tăng không Á và châu Âu, với trị giá chiếm 88,6% tổng bù đắp được mức giảm từ khu vực châu trị giá xuất khẩu chè đen.

Cơ cấu mặt hàng chè xuất khẩu
(ĐVT: % theo trị giá)

9 tháng năm 2022



9 tháng năm 2021



Nguồn: Tính toán theo số liệu từ Tổng cục Hải quan

Về thị trường:

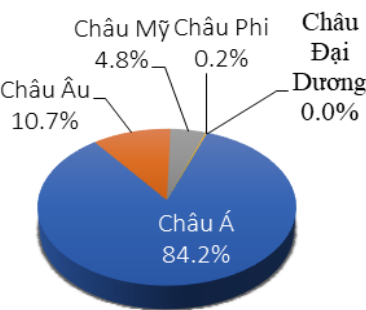
Mặt hàng chè xuất khẩu tới châu Á trong 9 tháng năm 2022 chiếm tỷ trọng lớn nhất, đạt 132,9 triệu USD, tăng 7,6% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, chè xuất khẩu tới thị trường Pa-ki-xtan nhiều nhất trong khu vực châu Á, đạt 71,7 triệu USD, tăng 31% so với cùng kỳ năm 2021. Tiếp theo là thị trường Đài Loan, Trung Quốc, I-rắc... Tỷ trọng xuất khẩu chè sang khu vực châu Á chiếm 84,2% tổng trị giá

xuất khẩu, tăng 3,6 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm 2021.

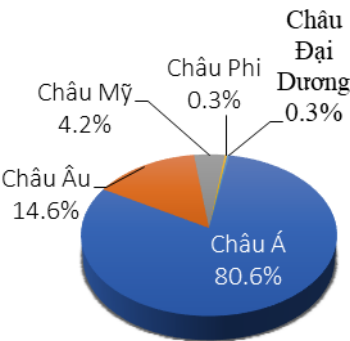
Xuất khẩu tới khu vực châu Âu đạt 16,9 triệu USD, giảm 24,2% so với cùng kỳ năm 2021, chiếm 10,72% trong tổng trị giá xuất khẩu chè, giảm 3,8 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm 2021; tiếp theo là xuất khẩu tới khu vực châu Mỹ đạt 7,6 triệu USD, tăng 17%, chiếm 4,8%, tăng 0,6 điểm phần trăm...

Cơ cấu xuất khẩu chè sang các châu lục (ĐVT: % theo trị giá)

9 tháng năm 2022



9 tháng năm 2021



Nguồn: Tính toán theo số liệu từ Tổng cục Hải quan

DUNG LƯỢNG 5 THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU CHÈ LỚN NHẤT THẾ GIỚI VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Pa-ki-xtan là thị trường nhập khẩu chè lớn nhất trên thế giới. Theo số liệu thống kê từ Hiệp hội chè Pa-ki-xtan, nhập khẩu chè của nước này trong 7 tháng đầu năm 2022 đạt 130,5 nghìn tấn, trị giá 349 triệu USD, giảm 6,9% về lượng, nhưng tăng 11,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021, do giá chè nhập khẩu bình quân đạt 2.678,2 USD/tấn, tăng 19,6% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, tỷ trọng nhập khẩu chè từ Việt Nam chiếm 1,3% tổng lượng chè nhập khẩu, giảm 0,7 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm 2021. Nhu cầu tiêu thụ chè của Pa-ki-xtan đang có xu hướng giảm, do từ tháng 6/2022 Chính phủ Pa-ki-xtan đã kêu gọi người dân giảm uống chè để giữ cho nền kinh tế phát triển, trong bối cảnh dự trữ ngoại hối của Pa-ki-xtan thấp.

Hoa Kỳ đang có nhu cầu tăng nhập khẩu chè, trong 7 tháng đầu năm 2022, nhập khẩu chè của nước này đạt 72,6 nghìn tấn, trị giá 308,4 triệu USD, tăng 7% về lượng và tăng 6,1% về trị giá so với

cùng kỳ năm 2021. Tỷ trọng nhập khẩu chè từ Việt Nam trong 7 tháng đầu năm 2022 chiếm 5,6% trong tổng lượng chè nhập khẩu của Hoa Kỳ, tăng 0,7 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm 2021. Theo Nghiên cứu từ Hiệp hội Chè Hoa Kỳ, lạm phát cao đã khiến người tiêu dùng nước này chuyển sang dùng chè nhiều hơn, thay cho những đồ uống đắt tiền, vì vậy xu hướng nhập khẩu chè tại Hoa Kỳ sẽ ngày càng tăng. Anh và Đức cũng tăng nhập khẩu chè trong 7 tháng đầu năm 2022, tuy nhiên tỷ trọng nhập khẩu chè từ Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Anh và Đức đều giảm. Đây là các thị trường khó tính với nhiều tiêu chuẩn khắt khe về an toàn vệ sinh thực phẩm, nguồn gốc và chất lượng sản phẩm, đòi hỏi các doanh nghiệp ngành chè của Việt Nam phải không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo sản phẩm chất lượng cao để vượt qua các rào cản kỹ thuật của thị trường mới có thể mở rộng thị phần tại các thị trường này.

5 thị trường chính nhập khẩu chè trên thế giới và tỷ trọng nhập khẩu chè từ Việt Nam trong 7 tháng đầu năm 2022

Thị trường	7 tháng năm 2022			So với cùng kỳ năm 2021 (%)			Tỷ trọng nhập khẩu từ Việt Nam theo lượng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (Nghìn USD)	Giá TB (USD/tấn)	Lượng (tấn)	Trị giá (Nghìn USD)	Giá TB (USD/tấn)	7 tháng năm 2022	7 tháng năm 2021
Pa-ki-xtan	130.454	348.985	2.675,2	-6,9	11,4	19,6	1,3	2,0
Hoa Kỳ	72.589	308.369	4.248,2	7,0	6,1	-0,8	5,6	4,9
Anh	68.269	203.787	2.985,0	6,8	16,5	9,1	0,2	0,6
Đức	29.057	137.700	4.739,0	12,7	10,4	-2,1	0,7	1,4
Hồng Kông	10.523	125.253	11.902,4	0,1	-0,5	-0,6	0,0	0,0

(Nguồn: Hiệp hội chè Pa-ki-xtan, Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ, ITC)

THỊ TRƯỜNG THỊT

► Quý 3/2022, giá lợn nạc tại Chicago Hoa Kỳ giảm mạnh so với quý trước do nhu cầu của Trung Quốc giảm.

► Giá lợn hơi tại Việt Nam quý 3/2022 có xu hướng tăng so với quý trước, giá tăng cao nhất quý vào 20 ngày đầu tháng 7/2022, sau đó giảm trở lại.

Quý 3/2022, Việt Nam xuất khẩu thịt và sản phẩm thịt tăng 4,9% về lượng và tăng 22,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

Quý 3/2022, Việt Nam nhập khẩu 31,76 nghìn tấn thịt lợn (HS 0203), trị giá 67,07 triệu USD, giảm 24,4% về lượng và giảm 30,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

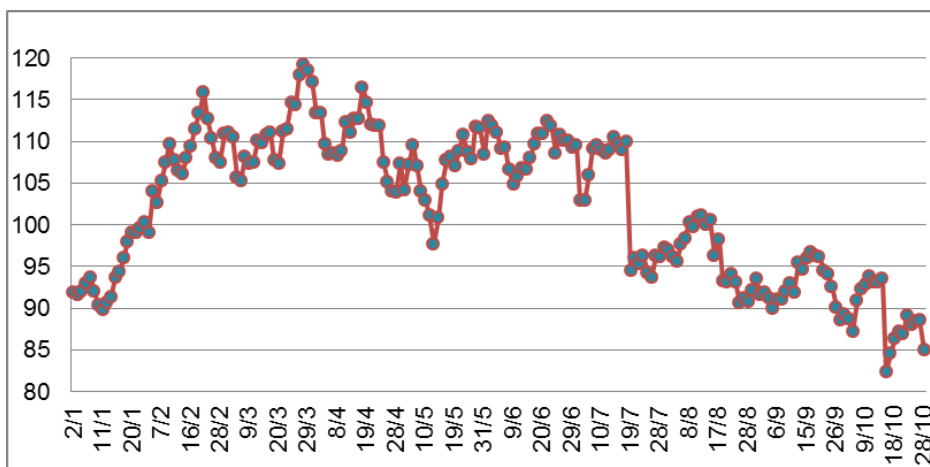
THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Trong quý 3/2022, giá lợn nạc tại Chicago - Hoa Kỳ có xu hướng giảm mạnh so với quý trước do nhu cầu của Trung Quốc giảm. Ngành chăn nuôi lợn thế giới vẫn chịu nhiều áp lực từ chi phí nguyên liệu thức ăn chăn nuôi cao khi chiến sự giữa Nga và U-crai-na vẫn chưa có dấu hiệu kết thúc, trong khi lạm phát leo thang ở nhiều nền kinh tế lớn trên thế giới và dịch tả lợn châu Phi vẫn lây lan tại nhiều nơi.

Xu hướng giảm giá tiếp tục diễn ra

trong 15 ngày đầu tháng 10/2022. Giá lợn nạc tại Chicago - Hoa Kỳ giảm xuống mức thấp nhất tháng vào ngày 16/10/2022 (ở mức 82,4 UScent/lb), tăng trở lại từ ngày 17-23/10/2022, nhưng sau đó giảm trở lại. Ngày 28/10/2022, giá lợn nạc tại Chicago, Hoa Kỳ giao kỳ hạn gần ở mức 85,1 UScent/lb, giảm 4% so với cuối tháng 9/2022, nhưng tăng 18,1% so với cùng kỳ năm 2021. Thị trường thịt lợn của Hoa Kỳ dự kiến sẽ phục hồi trong thời gian tới, nhờ nhu cầu tiêu thụ tăng trong các dịp lễ lớn cuối năm.

Diễn biến giá lợn nạc tại Hoa Kỳ từ đầu năm 2022 đến nay (ĐVT: UScent/lb)



Nguồn: cmegroup.com

Tại Trung Quốc, giá thịt lợn tăng vọt kể từ cuối tháng 8/2022 đến nay, khiến chính quyền Trung Quốc phải mở kho dự trữ quốc gia để đưa thịt đông lạnh ra thị trường để đảm bảo nguồn cung cho những ngày lễ. Tuy nhiên, nhiều nhà kinh doanh thịt lợn tại Trung Quốc cảnh báo rằng việc xả kho lạnh cũng không giúp nhiều cho việc hạ nhiệt đà tăng giá thịt lợn. Theo Ủy ban Cải cách và Phát triển Quốc gia Trung Quốc (NDRC), giá thịt lợn tại 36 trung tâm buôn bán lớn hiện tăng 30% so với cùng kỳ năm trước và do đó nằm ở mức cảnh báo thứ hai trong ba mức cảnh báo. Chính phủ đang phản ứng với việc này bằng cách thuê nguồn dự trữ thịt lợn từ bên ngoài nguồn dự trữ của nhà nước. Một số tỉnh cũng hỗ trợ tài chính cho các hộ chăn nuôi lợn tư nhân để tăng nguồn cung. Tuy nhiên, cho đến nay, tất cả những việc này vẫn chưa thực sự có thể ngăn đà tăng giá.

Theo số liệu của Cơ quan Hải quan Trung Quốc, tháng 9/2022, Trung Quốc nhập khẩu 650 nghìn tấn thịt (bao gồm cả nội tạng), trị giá 2,98 tỷ USD, giảm 1,3% về lượng và giảm 4,8% về trị giá so với tháng 8/2022; So với tháng 9/2021 giảm 6,2% về lượng, nhưng tăng 14,2% về trị giá. Lũy kế 9 tháng năm 2022, Trung Quốc nhập khẩu 5,41 triệu tấn thịt, trị giá 23,15 tỷ USD, giảm 26,8% về lượng và giảm 6,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021, chủ yếu nhập khẩu từ Bra-xin, Hoa Kỳ, Niu Di-lân, Ác-hen-ti-na và Ô-xtrây-li-a.

Theo dự báo mới nhất của Bộ Nông

Nghiệp Hoa Kỳ (USDA), sản lượng thịt lợn thế giới năm 2023 được dự báo đạt 111 triệu tấn, tăng 1% so với năm 2022 do sản lượng ở Trung Quốc tăng. Sản lượng thịt lợn của Trung Quốc dự kiến sẽ tăng 2% do ngành chăn nuôi tiếp tục phục hồi sau ảnh hưởng của dịch tả lợn châu Phi (ASF). Giá thức ăn chăn nuôi ở Trung Quốc tăng sẽ hạn chế việc nuôi lợn quá trọng lượng.



USDA dự báo Mỹ, Bra-xin và Mê-hi-cô sẽ tăng cường chăn nuôi để bù đắp cho sự sụt giảm ở các nước lớn khác như EU và Anh. Giá thức ăn chăn nuôi, giá năng lượng tăng và các hạn chế về môi trường sẽ làm giảm sản lượng lợn của EU. Các nhà chăn nuôi ở Anh phải đối mặt với chi phí thức ăn chăn nuôi cao và nhu cầu đối với thịt lợn nội địa giảm. Bra-xin và Mê-hi-cô tiếp tục mở rộng lĩnh vực sản xuất thịt lợn để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng trong nước, một phần do người tiêu dùng tìm kiếm các thức ăn thay thế cho thịt bò giá cao hơn và nhu cầu xuất khẩu tăng ở một số quốc gia chủ chốt. Sản xuất thịt lợn ở Việt Nam tiếp tục phục hồi do việc khống chế dịch tả ASF đã bảo vệ ngành này khỏi các đợt bùng phát quy mô lớn.

Xuất khẩu thịt lợn toàn cầu năm 2023 được dự báo sẽ giảm 2%, xuống còn 10,5 triệu tấn do nhập khẩu của Trung Quốc giảm năm thứ hai liên tiếp. Bất chấp dịch tả ASF kéo dài, nhập khẩu thịt lợn của Phi-líp-pin cũng được dự báo sẽ giảm do chính sách ưu đãi nhập khẩu kết thúc vào năm 2022 (khối lượng hạn ngạch nhập khẩu thịt lợn của Phi-líp-pin tăng tạm thời kết thúc vào tháng 5/2022 và thuế quan giảm được gia hạn đến cuối

năm 2022). Nhập khẩu thịt lợn của Anh tăng do xu hướng tiêu dùng dự kiến sẽ quay trở lại như trước khi đại dịch diễn ra.

Sản lượng thịt lợn của Hoa Kỳ năm 2023 được dự báo sẽ tăng 1% so với năm 2022, lên 12,4 triệu tấn khi tăng dần các giống lợn và trọng lượng lợn tăng. Tuy nhiên, xuất khẩu thịt lợn của Hoa Kỳ năm 2023 được dự báo sẽ giảm do nhu cầu của các nhà nhập khẩu chính như Mê-hi-cô và Trung Quốc giảm.

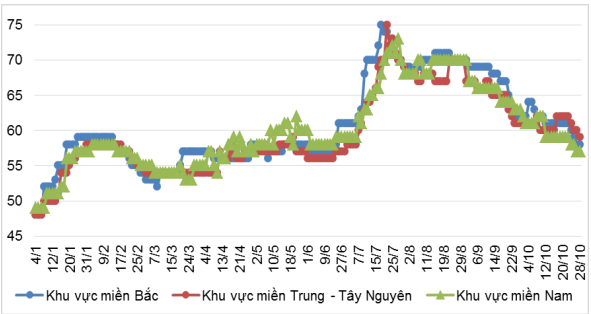
THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Trong quý 3/2022, giá lợn hơi tại Việt Nam có xu hướng tăng so với quý trước, giá tăng cao nhất quý vào 20 ngày đầu tháng 7/2022, sau đó giảm trở lại. Trong khi đó, giá thức ăn chăn nuôi vẫn đứng ở mức cao dù một số nguyên liệu thức ăn chăn nuôi có dấu hiệu giảm giá trong thời gian gần đây.

Trong tháng 10/2022, giá lợn hơi trên cả nước tiếp tục xu hướng giảm và dự kiến sẽ duy trì mức giảm trong ngắn hạn. Hiện giá lợn hơi trên cả nước dao động trong khoảng 53.000-59.000 đồng/kg, giảm 1.000-4.000 đồng/kg so với cuối tháng 9/2022. Dự báo trong thời gian tới, giá lợn hơi vẫn sẽ dao động quanh ngưỡng 50.000-65.000 đồng/kg. Tuy nhiên giá lợn hơi sẽ tăng trở lại vào thời điểm cuối năm do nhu cầu tiêu thụ thịt lợn tăng cao.

Thời gian qua, giá lợn hơi biến động giảm, nhưng giá thức ăn chăn nuôi và giá vật tư đầu vào của ngành chăn nuôi vẫn không giảm. Thêm vào đó, đồng USD tăng giá cũng góp phần tác động vào giá thức ăn chăn nuôi khó có thể giảm. Chỉ còn gần 3 tháng nữa là đến Tết Nguyên đán Quý Mão 2023, nhu cầu thực phẩm cho ngày Tết cũng sẽ tăng lên, trong đó

Diễn biến giá lợn hơi trong nước từ đầu năm 2022 (ĐVT: nghìn đồng)



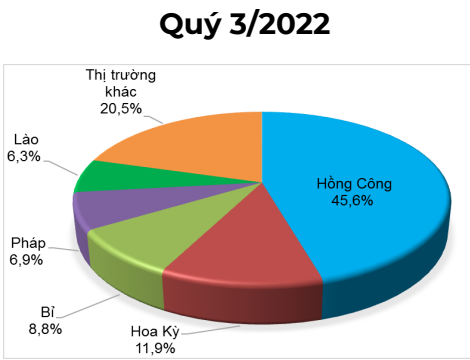
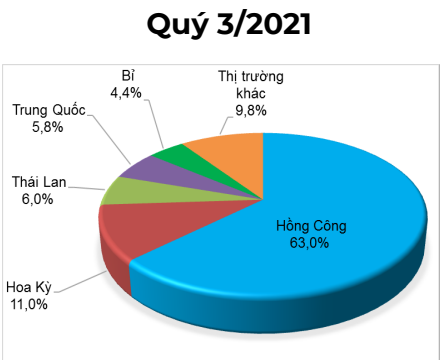
Nguồn: Trung tâm Công nghiệp và thương mại tổng hợp

có nhu cầu sử dụng thịt gia súc, gia cầm. Vì vậy, hiện nay người chăn nuôi cũng chuẩn bị nguồn thịt cung ứng cho người tiêu dùng đón Tết. Tuy nhiên, với những biến động kinh tế, thị trường hiện nay, người chăn nuôi muốn tái đàn, mở rộng đàn gia súc, gia cầm để tăng lượng thịt cung ứng cũng phải tính toán kỹ lưỡng.

Về xuất khẩu: Theo số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam, trong quý 3/2022, Việt Nam xuất khẩu được 3,99 nghìn tấn thịt và sản phẩm thịt, trị giá 21,18 triệu USD, tăng 4,9% về lượng và tăng 22,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Thịt và sản phẩm thịt của Việt Nam được xuất khẩu chủ yếu sang các nước thuộc khu vực châu Á, trong đó xuất khẩu sang thị

trường Hồng Kông là nhiều nhất, chiếm 45,6% tổng kim ngạch xuất khẩu thịt và các sản phẩm thịt của cả nước với 1,83 nghìn tấn, trị giá 9,66 triệu USD, tăng 2,5% về lượng, nhưng giảm 11,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

Cơ cấu thị trường xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt của Việt Nam
(ĐVT: % tính theo trị giá)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Trong quý 3/2022, các chủng loại thịt và các sản phẩm từ thịt xuất khẩu chủ yếu vẫn là đùi ếch đông lạnh (xuất khẩu chủ yếu sang Hoa Kỳ, Bỉ và Pháp); Thịt lợn tươi ướp lạnh hoặc đông lạnh (chủ yếu là thịt lợn sữa đông lạnh và thịt lợn nguyên con đông lạnh được xuất khẩu sang thị trường Hồng Kông, Lào, Thái Lan...); Thịt và phụ phẩm ăn được của gia cầm (xuất khẩu chủ yếu sang Ma-lai-xi-a, thị trường Hồng Kông, Thái Lan...); Thịt trâu bò tươi đông lạnh (xuất khẩu chủ yếu sang Căm-pu-chia, Ấn Độ, Thái Lan).

Thời gian qua, xuất khẩu thịt và các sản phẩm từ thịt của Việt Nam còn chưa tương xứng với sản lượng sản xuất hàng năm. Hiện nay, lượng thịt lợn xuất khẩu vẫn còn đang quá nhỏ so với tổng sản lượng xuất chuồng. Nguyên nhân do những hạn chế ở khâu chế biến, công tác dự báo thị trường cung cầu để điều tiết sản xuất cũng như phòng chống dịch bệnh chưa tốt, trong khi giá thành sản xuất chăn nuôi lợn ở nước ta cao so với mức bình quân trên thế giới. Do đó, giá thịt lợn ở Việt Nam đang khó cạnh tranh với các nước khác. Sở dĩ, giá thành nuôi

lợn ở Việt Nam cao do nước ta phụ thuộc tới 70% nguồn nguyên liệu thức ăn chăn nuôi nhập khẩu, trong khi đó chi phí này chiếm tới 65 - 70% cơ cấu giá thành nuôi lợn.

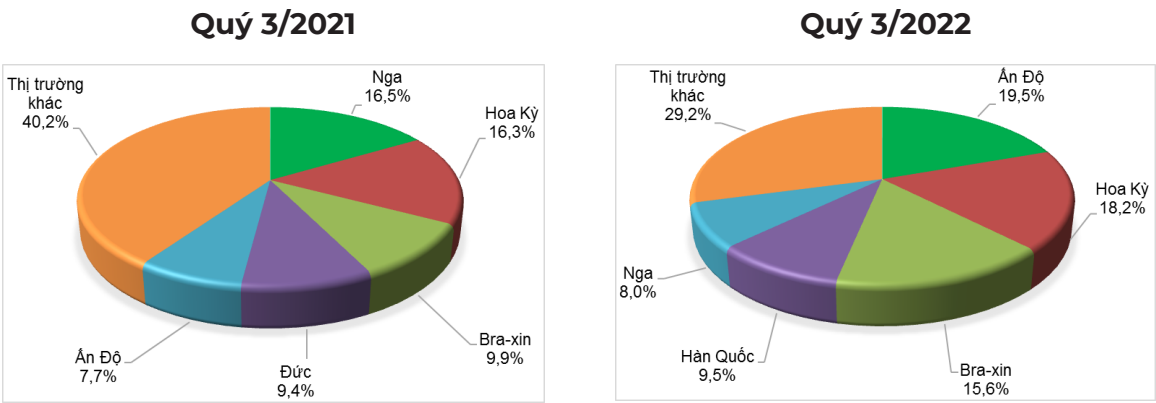
Về nhập khẩu: Do nhu cầu được cải thiện nên nhập khẩu thịt và các sản phẩm từ thịt của Việt Nam tăng nhẹ trong quý 3/2022. Theo tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam, quý 3/2022, Việt Nam nhập khẩu 191,58 nghìn tấn thịt và sản phẩm từ thịt, trị giá 417,75 triệu USD, tăng 4,4% về lượng và tăng 24,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

Thời gian tới, nhu cầu tiêu thụ thịt và các sản phẩm từ thịt dự kiến sẽ tăng do nhu cầu thực phẩm tăng cao trong dịp cuối năm. Tuy nhiên do nguồn cung thịt của Việt Nam khá dồi dào, cơ bản đáp ứng được nhu cầu tiêu thụ trong nước, nên dự báo nhập khẩu thịt và các sản phẩm thịt sẽ không tăng đột biến trong thời gian tới.

Quý 3/2022, Ấn Độ, Hoa Kỳ, Bra-xin, Hàn Quốc và Nga là 5 thị trường cung cấp thịt và sản phẩm từ thịt lớn nhất cho Việt

Nam. Trong đó, Ấn Độ là thị trường cung cấp lớn nhất với 37,35 nghìn tấn, trị giá 125,84 triệu USD, tăng 164,9% về lượng và tăng 180,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

Cơ cấu thị trường cung cấp thịt và sản phẩm từ thịt cho Việt Nam
(ĐVT: % tính theo lượng)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam

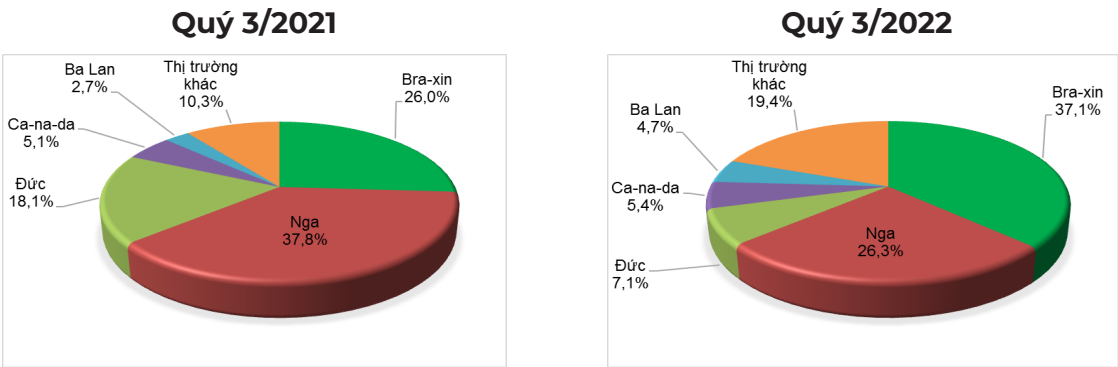
Trong quý 3/2022, thịt và các sản phẩm từ thịt nhập khẩu chủ yếu là các chủng loại như: Thịt và phụ phẩm ăn được sau giết mổ, của gia cầm thuộc nhóm 01.05, tươi ướp lạnh hoặc đông lạnh; Thịt trâu tươi đông lạnh; Thịt lợn tươi ướp lạnh hoặc đông lạnh; Phụ phẩm ăn được sau giết mổ của lợn, trâu, bò sống ướp lạnh hoặc đông lạnh; Thịt bò tươi ướp lạnh hoặc đông lạnh... Trong đó, nhập khẩu thịt lợn tiếp tục xu hướng giảm, trong khi nhập khẩu thịt gia cầm, thịt bò, thịt trâu có xu hướng tăng so với cùng kỳ năm 2021.

khẩu 31,76 nghìn tấn thịt lợn (HS 0203), trị giá 67,07 triệu USD, giảm 24,4% về lượng và giảm 30,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Thời gian qua, nhập khẩu thịt lợn liên tục giảm so với cùng kỳ năm 2021 do nhu cầu phục hồi chậm.

Trong quý 3/2022, Bra-xin, Nga, Đức, Ca-na-da và Ba Lan là 5 thị trường cung cấp thịt lợn lớn nhất cho Việt Nam. Bra-xin là thị trường cung cấp thịt lợn lớn nhất cho Việt Nam với 11,79 nghìn tấn, trị giá 25,6 triệu USD, tăng 8% về lượng, nhưng giảm 2,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

Trong quý 3/2022, Việt Nam nhập

Cơ cấu thị trường cung cấp thịt lợn tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh cho Việt Nam
(ĐVT: % tính theo lượng)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam

THỊ TRƯỜNG THỦY SẢN

- ▶ Tiêu thụ cá ở EU đang giảm do châu lục này ngày càng phụ thuộc vào nhập khẩu.
- ▶ Giá hầu hết các kích cỡ tôm tại Ê-cu-a-đo có xu hướng giảm do nhu cầu của Hoa Kỳ và EU gần đây đang chậm lại. Trong đó, giá tôm thẻ chân trắng cỡ nhỏ giảm nhẹ hơn so với các kích cỡ lớn.
- ▶ 10 tháng năm 2022, sản lượng thủy sản của cả nước ước đạt 7.450,7 nghìn tấn, tăng 3,1% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Cá đạt 5.366,7 nghìn tấn, tăng 2,6%; tôm đạt 1.009,8 nghìn tấn, tăng 8,2%; thủy sản khác đạt 1.074,2 nghìn tấn, tăng 1,2%.
- ▶ Quý 3/2022, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam đạt 577,5 nghìn tấn, giảm 9% so với quý trước đó, nhưng tăng 33,4% so với quý 3/2021.
- ▶ Trong 5 thị trường nhập khẩu thủy sản lớn nhất thế giới, trừ Trung Quốc, nhập khẩu thủy sản của các thị trường có xu hướng chậm lại kể từ quý 3/2022.

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

- EU: Theo Nghiên cứu Finfish 2022 của Hiệp hội thương mại và chế biến thủy sản EU (AIPCE-CEP), tiêu thụ cá ở EU đang giảm do châu lục này ngày càng phụ thuộc vào nhập khẩu. Theo đó, tiêu thụ cá ở 27 nước thành viên EU dự kiến giảm xuống dưới 10 triệu tấn trong năm 2022 do cuộc xung đột Nga – U-crai-na khiến giá nhiên liệu ở EU tăng cao, gây áp lực lên sản xuất. Hiệp hội dự báo tiêu thụ cá của EU năm 2022 đạt 9,42 triệu tấn, giảm 7% so với năm 2021, sau khi giảm 4% vào năm 2021 và khả năng tự cung tự cấp cá của EU sẽ giảm xuống 33% năm 2022.

- Ê-cu-a-đo: Xuất khẩu tôm của Ê-cu-a-đo phục hồi trở lại khi các nhà nhập khẩu Trung Quốc đang tăng nhập khẩu để tận dụng cơ hội giá giảm do nhu cầu tại thị trường EU và Hoa Kỳ đang yếu đi.

Giá hầu hết các kích cỡ tôm tại Ê-cu-a-đo có xu hướng giảm do nhu cầu



của Hoa Kỳ và EU gần đây đang chậm lại. Trong đó, giá tôm thẻ chân trắng cỡ nhỏ giảm nhẹ hơn so với các kích cỡ lớn.

Tính đến tuần kết thúc ngày 16/10/2022, tại Ê-cu-a-đo, giá trung bình tại đầm đối với tôm HOSO cỡ 20/30 là 5,40 USD/kg; với cỡ 30/40 là 4,70 USD/kg; với cỡ 40/50 là 4,20 USD/kg; với cỡ 50/60 là 3,80 USD/kg; với cỡ 60/70 là 3,40 USD/kg và 2,80 USD/kg đối với cỡ 70/80. Giá tôm HLSO loại 16/20 ở mức 7,28 USD/kg, giá loại 21/25 ở mức 6,30 USD/kg. Giá tôm HLSO cỡ 36/40 ở mức 5,10 USD/kg và tôm cỡ 41/50 ở mức 4,63 USD/kg, cỡ 61/70 và 91/110 lần lượt ở mức 4,20 USD/kg và 3 USD/kg.

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Theo Tổng cục Thống kê, sản lượng thủy sản tháng 10/2022 ước đạt 815,9 nghìn tấn, tăng 2,5% so với cùng kỳ năm trước.

Sản lượng thủy sản nuôi trồng trong tháng ước đạt 517,5 nghìn tấn, tăng 4,5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Cá đạt 352,8 nghìn tấn, tăng 4,4%; tôm đạt 109,6 nghìn tấn, tăng 4,3%.

Sản lượng thu hoạch của cá tra trong tháng 10/2022 tiếp tục tăng 7,2% so với cùng kỳ năm trước, đạt 168,2 nghìn tấn. Sản xuất cá tra tiếp tục tăng trưởng do cá tra là mặt hàng có giá cả phù hợp với khả năng chi tiêu của người tiêu dùng trên thế giới trong bối cảnh lạm phát tăng cao.

Sản lượng tôm thẻ chân trắng tháng 10/2022 ước đạt 75,9 nghìn tấn, tăng 5,4% so với cùng kỳ năm trước; sản lượng tôm sú đạt 25,3 nghìn tấn, tăng 0,8%.

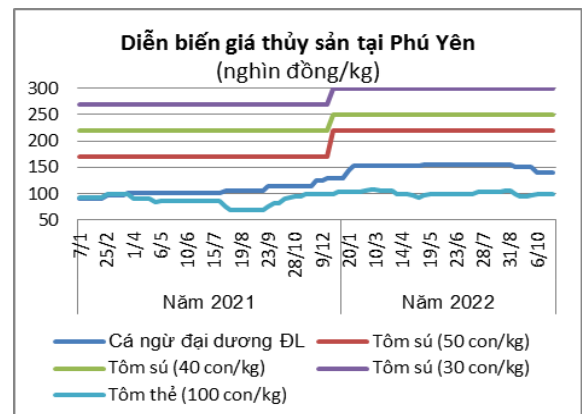
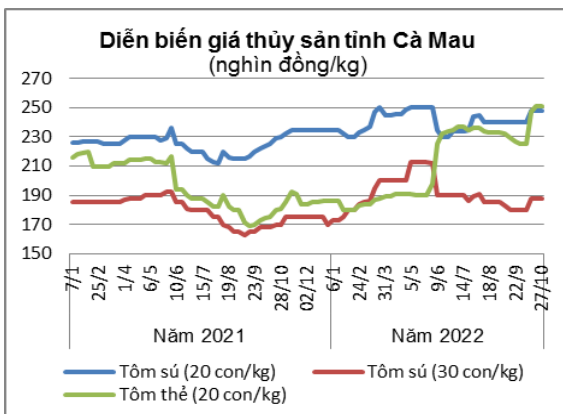
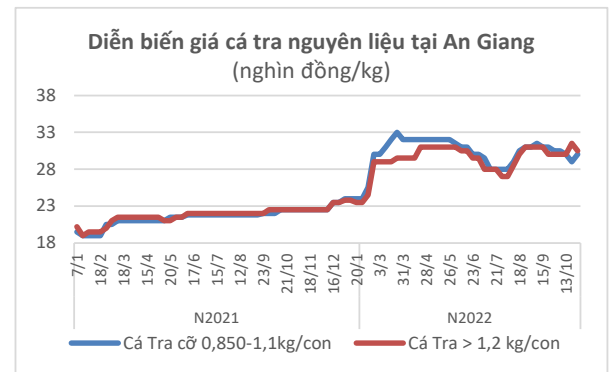
Sản lượng thủy sản khai thác trong tháng 10/2022 ước đạt 298,4 nghìn tấn, giảm 0,6% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Cá đạt 230,7 nghìn tấn, giảm 0,6%; tôm đạt 13,6 nghìn tấn, giảm 0,7%; thủy sản khác đạt 54,1 nghìn tấn, giảm 0,9%. Sản lượng thủy sản khai thác biển ước đạt 279,9 nghìn tấn, giảm 0,7% so với

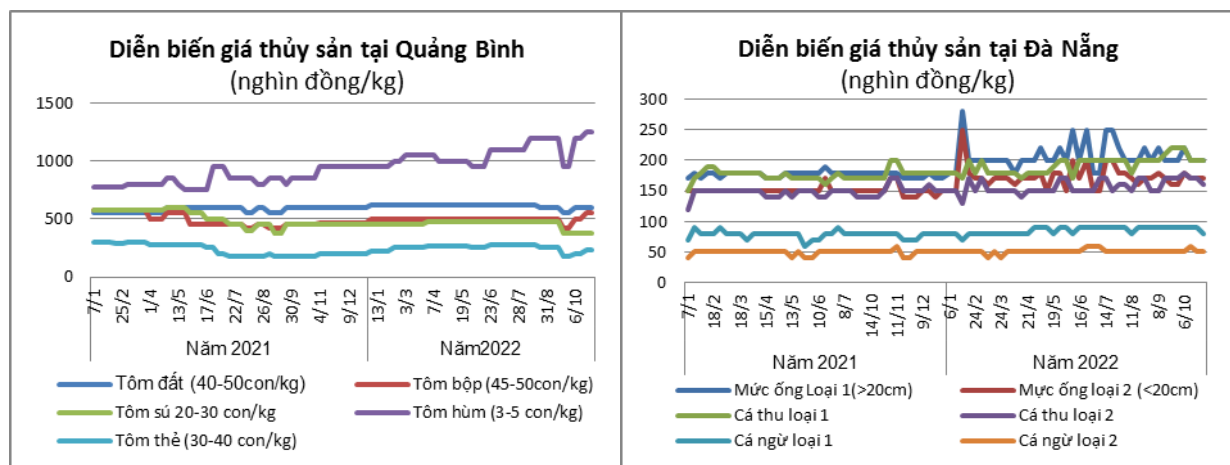
cùng kỳ năm trước do điều kiện thời tiết ngư trường trong tháng 10/2022 không thuận lợi cho ngư dân đánh bắt.

Tính chung 10 tháng năm 2022, sản lượng thủy sản ước đạt 7.450,7 nghìn tấn, tăng 3,1% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Cá đạt 5.366,7 nghìn tấn, tăng 2,6%; tôm đạt 1.009,8 nghìn tấn, tăng 8,2%; thủy sản khác đạt 1.074,2 nghìn tấn, tăng 1,2%.

Trong 10 tháng năm 2022, cá tra là mặt hàng lợi thế do nhu cầu từ các thị trường xuất khẩu phục hồi, giá cá tra nguyên liệu tại tỉnh An Giang liên tục đứng ở mức cao.

Giá tôm thẻ chân trắng nguyên liệu cỡ 20 con/kg tại tỉnh Cà Mau quý 3/2022 cũng tăng mạnh so với quý trước đó, trong khi giá tôm sú cỡ 30 con/kg lại có xu hướng giảm nhẹ.





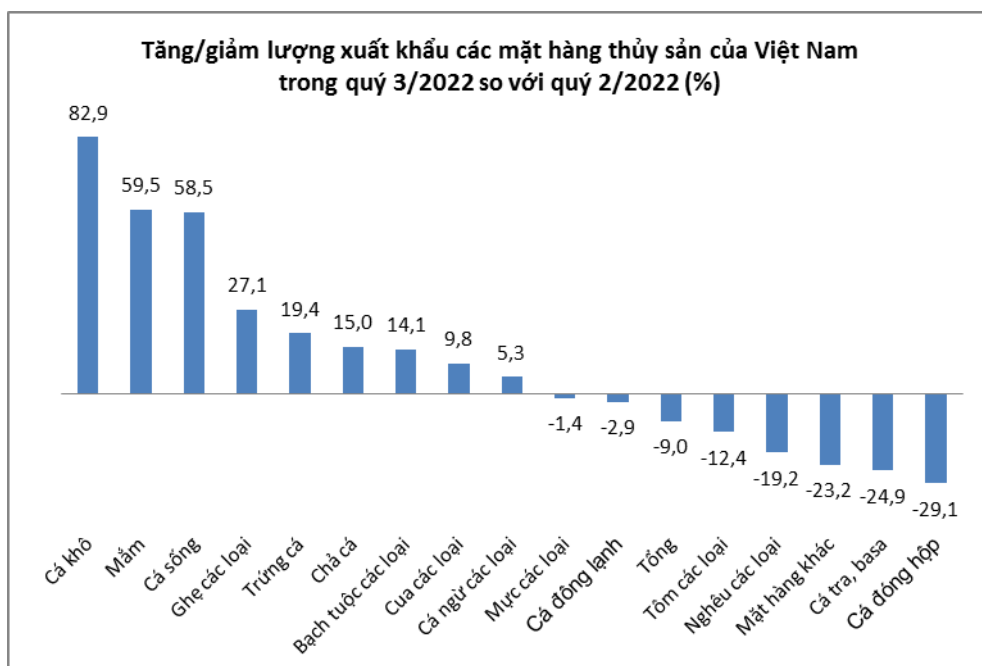
Nguồn: Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại tổng hợp

TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU THỦY SẢN

Theo thống kê của Tổng cục Hải quan, quý 3/2022, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam đạt 577,5 nghìn tấn, giảm 9% so với quý trước đó, nhưng tăng 33,4% so với quý 3/2021. Xuất khẩu thủy sản quý 3/2022 tăng mạnh so với quý 3/2021 chủ yếu do đó là thời điểm ngành thủy sản xuất khẩu bị tác động mạnh bởi dịch Covid-19 bùng phát tại các tỉnh, thành

phố phía Nam.

Xu hướng xuất khẩu thủy sản đã có dấu hiệu chậm lại so với mức tăng trưởng đầu năm, đặc biệt là đối với 2 mặt hàng xuất khẩu chủ lực là cá tra, basa và tôm các loại. Theo đó, quý 3/2022, lượng cá tra, basa xuất khẩu giảm 24,9% so với quý trước đó; lượng tôm xuất khẩu cũng giảm 12,4%.



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

So với cùng kỳ năm 2021, xuất khẩu hầu hết các mặt hàng thủy sản trong quý

3/2022 tăng, trừ xuất khẩu cua các loại và nghêu các loại giảm. Tính chung 9 tháng năm 2022, xuất khẩu các chủng loại thủy sản đều tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2021.

Quý 3/2022, xuất khẩu tôm các loại tăng trưởng chậm lại, chỉ tăng 7,3% về lượng và tăng 9,2% so với cùng kỳ năm 2021, thấp hơn đáng kể so với mức tăng trưởng chung 9 tháng năm 2022.

Trong khi đó, xuất khẩu cá tra, basa

tiếp tục tăng trưởng khả quan so với cùng kỳ năm 2021, đạt 194,4 nghìn tấn, trị giá 545,99 triệu USD, tăng 45,5% về lượng và tăng 84,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung 9 tháng năm 2022, xuất khẩu cá tra, basa đạt 685,5 nghìn tấn, trị giá 1,97 tỷ USD, tăng 31,2% về lượng và tăng 82,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

Các mặt hàng thủy sản xuất khẩu lớn tiếp theo trong quý 3/2022 gồm cá đông lạnh, cá ngừ các loại, chả cá...

Mặt hàng thủy sản xuất khẩu trong quý 3/2022

Mặt hàng	Quý 3/2022		So với quý 3/2021 (%)		9 tháng năm 2022		So với cùng kỳ năm 2021 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (Nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (Nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Tổng	577.518	2.783.601	33,4	35,1	1.741.815	8.488.602	22,7	37,3
Tôm các loại	115.163	1.116.792	7,3	9,2	342.004	3.361.173	14,9	22,5
Cá tra, basa	194.439	545.995	45,5	84,5	685.541	1.971.002	31,2	82,6
Cá đông lạnh	62.868	285.123	60,7	73,3	172.854	811.856	30,7	35,5
Cá ngừ các loại	48.968	254.491	59,2	57,6	139.786	806.410	28,9	55,8
Chả cá	52.122	120.283	5,2	12,3	135.995	314.967	-2,6	4,3
Mực các loại	18.642	119.439	33,7	60,0	53.072	311.458	38,6	48,6
Bạch tuộc các loại	11.621	91.196	30,5	44,4	30.946	237.004	11,1	22,8
Cá khô	36.941	103.141	136,2	106,9	73.645	234.605	40,6	31,9
Cua các loại	2.561	39.685	-12,5	34,8	7.404	100.348	2	39,3
Nghêu các loại	10.319	24.992	-25,4	-17,9	31.802	76.341	-4,3	6
Cá đóng hộp	4.403	12.898	31,9	50,7	16.303	48.741	-9,3	0
Ghẹ các loại	1.803	21.121	101,5	16,8	4.987	60.103	47,7	27,7
Trứng cá	1.167	17.279	83,2	91,2	2.838	44.701	62,3	75,8
Mắm	3.390	6.344	4,2	0,5	9.287	20.303	-23,8	2,4
Cá sống	6.557	8.129	152,4	85,1	14.060	20.843	142,7	106,3
Mặt hàng khác	6.551	16.691	1,2	14,1	21.290	68.748	12,1	6,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

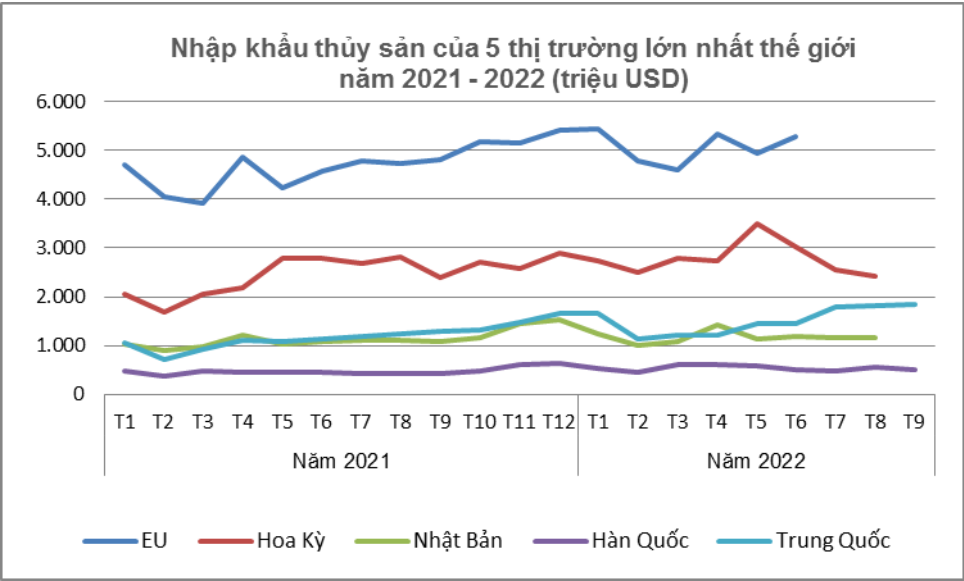
Trong thời gian còn lại của năm 2022, nhiều khả năng xuất khẩu thủy sản sẽ tiếp tục chậm lại khi tình hình lạm phát toàn cầu chưa có dấu hiệu hạ nhiệt. Giá cả tăng cao khiến nhu cầu nhập khẩu thủy sản của Hoa Kỳ, thị trường nhập khẩu thủy sản lớn nhất của Việt Nam có xu hướng giảm. Tuy nhiên, nhu cầu nhập khẩu thủy sản từ Trung Quốc, EU vẫn khả quan để phục vụ mùa lễ hội cuối năm. Mặc dù lạm phát tại EU liên tục đạt mức kỷ lục, nhưng hiệp định EVFTA sẽ là yếu tố nâng cao khả năng cạnh tranh đối với mặt hàng thủy sản Việt Nam tại thị trường này.



DUNG LƯỢNG NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỦA 5 THỊ TRƯỜNG LỚN NHẤT THẾ GIỚI VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo tính toán từ số liệu thống kê của ITC, nhu cầu nhập khẩu thủy sản của 5 thị trường nhập khẩu thủy sản lớn nhất thế giới là EU, Hoa Kỳ, Nhật Bản và Hàn Quốc các tháng đầu năm 2022 đều có xu hướng tăng so với cùng kỳ năm 2021.

Tuy nhiên, trừ Trung Quốc, nhập khẩu thủy sản của các thị trường có xu hướng chậm lại kể từ quý 3/2022. Đặc biệt, nhu cầu nhập khẩu thủy sản của Hoa Kỳ sau khi đạt đỉnh vào tháng 5/2022 đã liên tục giảm trong những tháng gần đây.



Nguồn: ITC



Theo thống kê của ITC, trong 6 tháng đầu năm 2022, nhập khẩu thủy sản của EU đạt 30,4 tỷ USD, tăng 15,2% so với cùng kỳ năm 2021. Nhu cầu nhập khẩu thủy sản của EU chậm lại trong tháng 3/2022 do tác động tức thời của căng thẳng giữa Nga và U-crai-na, nhưng sau đó đã phục hồi kể từ tháng 4/2022.

Trong 8 tháng đầu năm 2022, nhập khẩu thủy sản của Hoa Kỳ đạt 22,3 tỷ USD, tăng 17,3% so với cùng kỳ năm 2021. Việt Nam là thị trường cung cấp thủy sản lớn thứ 5 cho Hoa Kỳ, chiếm 7,49% trong tổng trị giá nhập khẩu thủy sản của nước này. Nhập khẩu thủy sản của Hoa Kỳ từ tháng 7/2022 đã giảm so với cùng kỳ năm 2021 do tồn kho cao.

Nhập khẩu thủy sản của Trung Quốc 9 tháng năm 2022 đạt 13,5 tỷ USD, tăng 39,7% so với cùng kỳ năm 2021. Xu hướng tăng nhập khẩu thủy sản của Trung Quốc vẫn được duy trì trong quý 3/2022 và nhiều khả năng sẽ tiếp tục tăng trong những tháng cuối năm 2022.

8 tháng năm 2022, nhập khẩu thủy sản của Nhật Bản đạt 9,4 tỷ USD, tăng 11,4% so với cùng kỳ năm 2021. Việt Nam

là thị trường cung cấp thủy sản lớn thứ 4 của Nhật Bản, chiếm 8,7% tổng trị giá nhập khẩu thủy sản của nước này.

9 tháng năm 2022, nhập khẩu thủy sản của Hàn Quốc đạt 4,84 tỷ USD, tăng 20,9% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó Việt Nam là thị trường cung cấp thủy sản lớn thứ 3 cho Hàn Quốc, chiếm 14,06% trong tổng trị giá nhập khẩu thủy sản của nước này.

Nhập khẩu thủy sản của 5 thị trường lớn nhất thế giới

Thị trường	6 tháng đầu năm 2022 (triệu USD)	So với 6 tháng đầu năm 2021 (%)	Tháng 7/2022 (nghìn USD)	Tháng 8/2022 (nghìn USD)	Tháng 9/2022 (nghìn USD)	Lũy kế (Nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2021 (%)
EU	30.397	15,2					
Hoa Kỳ	17.315	28,0	2.565	2.430		22.311	17,3
Trung Quốc	8.094	34,8	1.790	1.826	1.852	13.562	39,7
Nhật Bản	7.097	13,9	1.165	1.164		9.426	11,4
Hàn Quốc	3.299	22,0	489	564	493	4.845	20,8

Nguồn: ITC

THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ

- ▶ Trong 9 tháng năm 2022, trị giá xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Trung Quốc đạt 17,1 tỷ USD, giảm 7% so với cùng kỳ năm 2021.
- ▶ Kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất (bao gồm cả đồ nội thất bằng gỗ) của Ma-lai-xi-a trong 7 tháng đầu năm 2022 đạt 8,5 tỷ RM (tương đương 1,8 tỷ USD), tăng 18,1% so với cùng kỳ năm 2021.
- ▶ Thị phần đồ nội thất bằng gỗ của Việt Nam giảm trong tổng trị giá nhập khẩu của thị trường Hoa Kỳ, Anh, Ca-na-đa, Hàn Quốc; nhưng tăng trong tổng trị giá nhập khẩu của thị trường Đức, Pháp, Nhật Bản, Thụy Sĩ và Tây Ban Nha.
- ▶ Ước tính, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam trong tháng 10/2022 đạt 1,2 tỷ USD, tăng 7,7% so với tháng 9/2022 và tăng 25,9% so với tháng 10/2021.

THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ THẾ GIỚI

Trung Quốc: Theo số liệu thống kê từ Cơ quan Hải quan Trung Quốc, trị giá xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Trung Quốc trong quý 3/2022 đạt 5,6 tỷ USD, giảm 9,6% so với quý 2/2022 và giảm 14,4% so với quý 3/2021. Trong 9 tháng năm 2022, trị giá xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Trung Quốc đạt 17,1 tỷ USD, giảm 7% so với cùng kỳ năm 2021. Mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ xuất khẩu của Trung Quốc giảm là do nhu cầu yếu trên thị trường toàn cầu bởi ảnh hưởng của lạm phát cao tại các thị trường tiêu thụ, cùng với đó là việc theo đuổi chính sách

“Zero Covid” khiến hoạt động sản xuất và xuất khẩu của Trung Quốc bị gián đoạn.

Trung Quốc xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ tới các thị trường chính trong 9 tháng năm 2022 gồm: Hoa Kỳ đạt 5,2 tỷ USD, giảm 10,8% so với cùng kỳ năm 2021; Úc đạt 1,2 tỷ USD, tăng 7,5%; Nhật Bản đạt 1,1 tỷ USD, tăng 1,2%; Hàn Quốc đạt 985,6 triệu USD, tăng 5,6%; Anh đạt 938,4 triệu USD, giảm 25%; Ca-na-đa đạt 642 triệu USD, giảm 10,2% so với cùng kỳ năm 2021.

Ma-lai-xi-a: Dẫn nguồn [bernama.com](#), theo Hội đồng đồ nội thất Malaysia (MFC), xuất khẩu đồ nội thất của Ma-lai-xi-a ghi nhận mức tăng mạnh trong 7 tháng đầu năm 2022, mặc dù ngành công nghiệp này phải đối mặt với nhiều thách thức. Kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất (bao gồm cả đồ nội thất bằng gỗ) đạt 8,5 tỷ RM (tương đương 1,8 tỷ USD), tăng 18,1% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, xuất khẩu đồ



nội thất bằng gỗ đạt 6,93 tỷ RM (tương đương 1,47 tỷ USD), tăng 14,4% so với cùng kỳ năm 2021.

Tỷ giá đồng USD tăng giá so với đồng nội tệ cũng là yếu tố chính góp phần làm tăng trị giá xuất khẩu ngành hàng

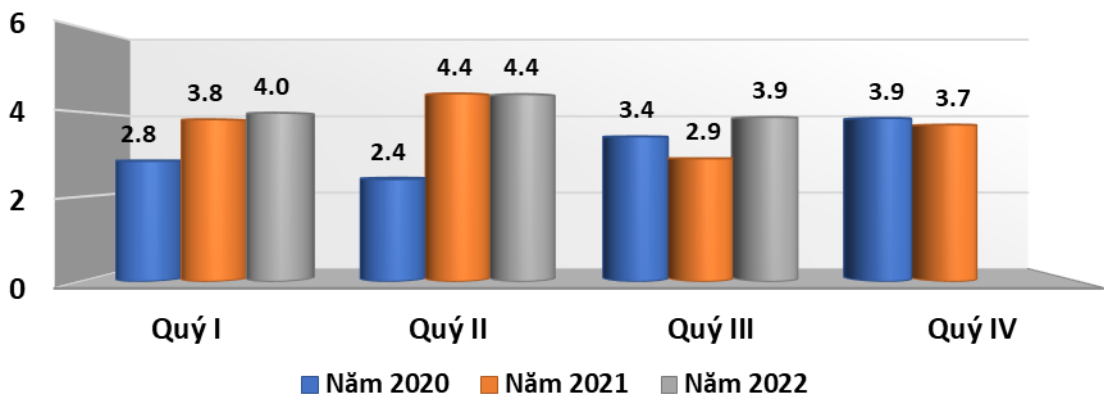
đồ nội thất của Ma-lai-xi-a. Bên cạnh đó, mức tăng trưởng mạnh của ngành hàng này còn nhờ vào sự nỗ lực của Tổng công ty Phát triển Ngoại thương Ma-lai-xi-a (MATRADE) và Hội đồng Gỗ Ma-lai-xi-a (MTC) trong việc tích cực quảng bá các sản phẩm nội thất trên toàn cầu.

TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ

Ước tính, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong tháng 10/2022 đạt 1,2 tỷ USD, tăng 7,7% so với tháng 9/2022 và tăng 25,9% so với tháng 10/2021. Trong đó, trị giá xuất khẩu sản phẩm gỗ ước đạt 747 triệu USD, tăng 1,6% so với tháng 9/2022 và tăng 18,5% so với tháng 10/2021. Trong 10 tháng năm 2022, trị giá xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ ước tính đạt 13,5 tỷ USD, tăng 11,4% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, trị giá xuất khẩu sản phẩm gỗ ước đạt 9,3 tỷ USD, tăng 2,7% so với cùng kỳ năm 2021.

Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ quý 3/2022 đạt 3,88 tỷ USD, giảm 12,2% so với quý 2/2022, nhưng tăng 34,8% so với quý 3/2021. Trong đó, xuất khẩu sản phẩm gỗ trong quý 3/2022 đạt 2,5 tỷ USD, giảm 17,9% so với quý 2/2022, nhưng tăng 25,1% so với quý 3/2021. Tính chung 9 tháng năm 2022, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ đạt 12,3 tỷ USD, tăng 10,2% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, xuất khẩu sản phẩm gỗ đạt 8,6 tỷ USD, tăng 1,5% so với cùng kỳ năm 2021.

Tình hình xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ theo quý giai đoạn năm 2020 – 2022 (ĐVT: Tỷ USD)



Nguồn: Tính toán theo số liệu từ Tổng cục Hải quan

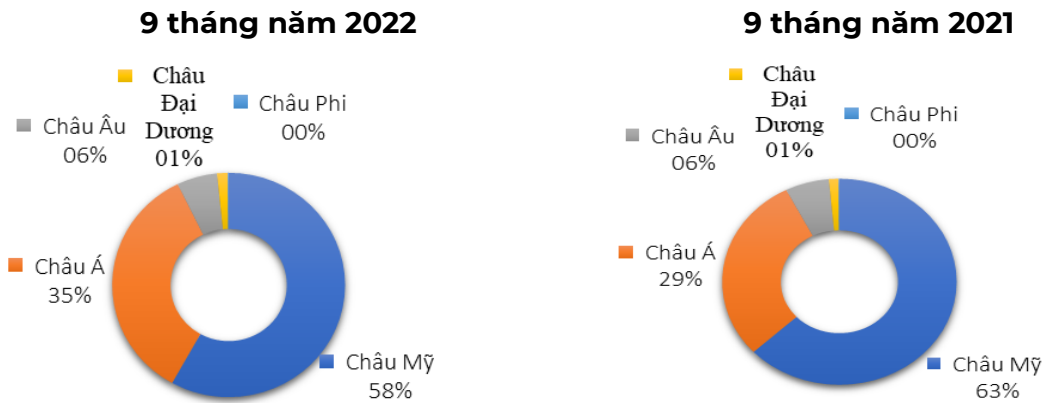
Về thị trường: Gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu chủ yếu tới khu vực châu Mỹ trong 9 tháng năm 2022, tỷ trọng xuất khẩu sang khu vực này chiếm 58,1% tổng trị giá xuất khẩu, giảm 5 điểm phần trăm so

với cùng kỳ năm 2021. Trị giá xuất khẩu sang khu vực này giảm mạnh là do xuất khẩu sang Hoa Kỳ giảm tốc.

Đáng chú ý, xuất khẩu gỗ và sản

phẩm gỗ tới khu vực châu Á trong 9 tháng năm 2022 đạt 4,3 tỷ USD, tăng 29,9% so với cùng kỳ năm 2021 do trị giá xuất khẩu sang các thị trường chính như Nhật Bản, Trung Quốc và Hàn Quốc tăng trưởng tốt.

Cơ cấu xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang các châu lục (% theo trị giá)



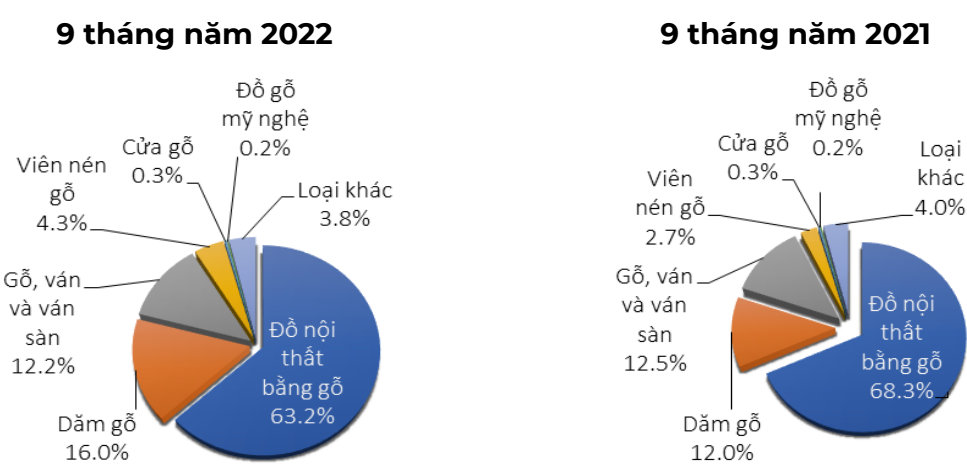
Nguồn: Tính toán theo số liệu từ Tổng cục Hải quan

Về mặt hàng: Đồ nội thất là nhóm hàng xuất khẩu chính. Tuy nhiên trong 9 tháng năm 2022, tỷ trọng xuất khẩu nhóm hàng này giảm do xuất khẩu sang khu vực châu Mỹ giảm tốc. Áp lực lạm phát cao tại thị trường nhập khẩu chính trong khu vực châu Mỹ là Hoa Kỳ khiến nhu cầu nhập khẩu mặt hàng này giảm.

Đáng chú ý, xuất khẩu dăm gỗ và viên nén gỗ sang khu vực châu Á tăng trưởng mạnh, khiến tỷ trọng của cả 2 mặt hàng này đều tăng trong 9 tháng năm 2022.

Nhu cầu nhập khẩu dăm gỗ và viên nén gỗ tại khu vực châu Á tăng mạnh là do các thị trường chính Hàn Quốc, Nhật Bản đều có nhu cầu tăng, trong bối cảnh 2 thị trường này tiếp tục thực hiện chuyển đổi từ nguồn điện than sang điện sạch, bao gồm cả điện sinh khối. Trung Quốc cũng đang có những động thái chuyển một phần nguồn điện và hệ thống sưởi chạy bằng than đá sang viên nén, khiến nhu cầu viên nén gỗ tại Trung Quốc sẽ tăng mạnh

Cơ cấu mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu (% theo trị giá)



Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan

DUNG LƯỢNG 5 THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU ĐỒ NỘI THẤT BẰNG GỖ LỚN NHẤT THẾ GIỚI VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Lạm phát gia cao tại các thị trường nhập khẩu chính đã ảnh hưởng đến tiêu dùng các mặt hàng không thiết yếu như đồ nội thất bằng gỗ, vì vậy nhu cầu nhập khẩu mặt hàng này giảm tốc. Theo số liệu thống kê từ Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), thị trường nhập khẩu chính đồ nội thất bằng gỗ như Hoa Kỳ và Anh vẫn tăng nhập khẩu mặt hàng này trong 7 tháng đầu năm 2022. Tuy nhiên, so với tốc tăng trưởng trong 7 tháng đầu năm 2021 thì trị giá nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Hoa Kỳ và Anh giảm tốc mạnh. Trong 7 tháng đầu năm 2021, trị giá nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Hoa Kỳ đã tăng 65,7% và Anh tăng 54,5% so với cùng kỳ năm 2020.

Hoa Kỳ là thị trường nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ lớn nhất trên toàn cầu trong 7 tháng đầu năm 2022 và Việt Nam

là thị trường cung cấp lớn nhất cho Hoa Kỳ. Tuy nhiên, do áp lực của lạm phát gia tăng, nhu cầu nhập khẩu mặt hàng này của Hoa Kỳ chậm lại, do đó tỷ trọng nhập khẩu từ Việt Nam giảm 4,1 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm 2021.

Đa dạng hóa thị trường nhập khẩu là rất cần thiết trong bối cảnh nhu cầu từ thị trường nhập khẩu chính giảm. Chính vì vậy, trong khi giảm tỷ trọng đồ nội thất bằng gỗ tại thị trường Hoa Kỳ, Việt Nam tăng tỷ trọng tại các thị trường khác như Đức, Pháp, Nhật Bản, Úc và Tây Ban Nha.

Nhu cầu đối với mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ trên thị trường toàn cầu dự báo kém khả quan, bởi các thị trường tiêu thụ chính như Hoa Kỳ và châu Âu giảm chi tiêu vì lạm phát. Tại Trung Quốc, ngành bất động sản gặp khó khăn và tăng trưởng kinh tế chậm lại.

10 thị trường nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ lớn nhất trên thế giới và thị phần của Việt Nam 7 tháng đầu năm 2022

Thị trường	7 tháng đầu năm 2022 (Nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2021 (%)	Tỷ trọng nhập khẩu từ Việt Nam (%)	
			7 tháng năm 2022	7 tháng năm 2021
Hoa Kỳ	18.725.577	10,9	37,2	41,3
Anh	3.295.954	18,9	7,7	7,8
Đức	3.550.876	-5,4	3,6	2,9
Pháp	2.761.780	0,4	4,9	4,5
Ca-na-đa	1.618.505	8,7	15,6	17,6
Nhật Bản	1.417.075	-0,3	24,2	23,7
Thụy Sĩ	1.165.555	-3,9	2,4	2,2
Úc	1.015.056	0,8	12,5	12,1
Tây Ban Nha	731.160	9,9	4,8	4,2
Hàn Quốc	682.038	-14,1	15,8	16,7

Nguồn: ITC

(Ghi chú: Đồ nội thất bằng gỗ HS 940161, 940169, 940330, 940340, 940350, 940360).

Định hướng phát triển 14 loại cây ăn quả chủ lực đến năm 2030

Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn đã quyết định phê duyệt Đề án Phát triển cây ăn quả chủ lực đến năm 2025 và 2030, với 14 loại cây chủ lực gồm: Thanh long, xoài, chuối, vải, nhãn, cam, bưởi, dưa, chôm chôm, sầu riêng, mít, chanh leo, bơ, na.

Cụ thể, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn định hướng phát triển khoảng 130.000 – 140.000 ha trồng xoài, sản lượng 1,1 - 1,5 triệu tấn. Các tỉnh sản xuất xoài trọng điểm: Vùng trung du miền núi phía Bắc (Sơn La), vùng Nam Trung bộ (Bình Thuận, Khánh Hòa), vùng Đông Nam bộ (Đồng Nai, Tây Ninh), vùng Đồng bằng sông Cửu Long (Đồng Tháp, An Giang, Vĩnh Long, Tiền Giang, Hậu Giang).

Đối với cây nhãn, ổn định diện tích khoảng 85.000 ha, sản lượng 700.000 – 750.000 tấn. Các tỉnh sản xuất nhãn trọng điểm: Vùng trung du miền núi phía Bắc (Sơn La, Bắc Giang, Tuyên Quang, Lào Cai), vùng Đồng bằng sông Hồng (Hưng

Yên, Hải Dương, Hà Nội), vùng Đông Nam bộ (Tây Ninh, Bà Rịa - Vũng Tàu), vùng Đồng bằng sông Cửu Long (Tiền Giang, Bến Tre, Vĩnh Long, Đồng Tháp, Sóc Trăng).

Cây cam được định hướng ổn định diện tích khoảng 100.000 ha, sản lượng 1,2 - 1,3 triệu tấn. Các tỉnh sản xuất cam trọng điểm: Vùng trung du miền núi phía Bắc (Hòa Bình, Tuyên Quang, Hà Giang), vùng Đồng bằng sông Hồng (thành phố Hà Nội, Hưng Yên), vùng Bắc Trung bộ (Nghệ An, Hà Tĩnh), vùng Đồng bằng sông Cửu Long (Tiền Giang, Vĩnh Long, Đồng Tháp, Hậu Giang, Sóc Trăng).

Đến năm 2030, ổn định diện tích trồng mít khoảng 50.000 ha, sản lượng 600.000 – 700.000 tấn. Các tỉnh sản xuất mít trọng điểm: Tây Nguyên (Lâm Đồng, Đắk Lắk, Đắk Nông, Gia Lai), Đông Nam bộ (Đồng Nai, Bình Phước, Tây Ninh), vùng Đồng bằng sông Cửu Long (Tiền Giang, Vĩnh Long, Long An, Đồng Tháp, Hậu Giang).

Lưu ý:

Thông tin sử dụng trong bản tin được thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Thông tin trong bản tin chỉ mang tính tham khảo, các ước tính, dự báo có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi bởi những biến động thị trường. Rất mong nhận được sự phản hồi, trao đổi thông tin và đóng góp ý kiến của độc giả để Bản tin ngày càng chất lượng hơn.